

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Hải Phòng – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP TẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Trang
Giáo viên hướng dẫn : ThS.Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Trang

Mã SV: 1812401014

Lớp : QT2201K

Ngành : Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG 1:	11
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC	11
1. Các vấn đề cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/2016/TT-BTC	11
1.1 Khái niệm doanh thu	11
1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	12
1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu	13
1.2 Khái niệm chi phí	14
1.1.3 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh:	16
1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	17
1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT-BTC.....	18
1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	18
1.3.2 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán	23
1.3.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh:	28
1.3.4 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.....	31
1.3.5 Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác.....	35
1.3.6 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	39
1.4 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT133/2016/TT-BTC	41
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	42
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.....	43
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	45
1.4.4 Hình thức kế toán máy.....	48
CHƯƠNG 2:	49
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN.....	49
2.1 Khái quát về công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An.....	49

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An	49
2.1.2 Các ngành nghề kinh doanh của công ty	50
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An	50
2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An	52
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An	55
2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty	72
2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An.....	81
2.5 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An.....	87
CHƯƠNG 3:	96
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN	97
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An.....	97
3.1.1 Kết quả đạt được.....	97
3.1.2 Hạn chế.....	98
3.2 Biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	99
KẾT LUẬN.....	108
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	110

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương pháp bán trực tiếp.....	21
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng qua đại lý (Đơn vị giao đại lý)	22
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp.....	22
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	26
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	27
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng	29
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	30
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính.....	34
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác	39
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh ...	41
Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	43
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái	44
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	46
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	48
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty	50
Sơ đồ 2.2:Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty	52
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	53
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán doanh thu tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An	57
Sơ đồ 2.5 Quy trình kế toán giá vốn tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An	66
Sơ đồ 2.6 Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh	73

Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí tài chính tại công ty Thiết bị và Dịch Thịnh An.....	81
Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An.....	88

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000526	59
Biểu số 2.2: Phiếu thu số 411	60
Biểu số 2.3 :Hóa đơn GTGT số 0000536	61
Biểu số 2.4: Giấy báo có số 2248	62
Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung	63
Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 511	64
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 727	68
Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 735	69
Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung	70
Biểu 2.10 Trích sổ cái TK 632	71
Biểu số 2.11 Hóa đơn dịch vụ viễn thông.....	75
Biểu số 2.12: Phiếu chi số PC612.....	76
Biểu số 2.13: Hóa đơn GTGT 0003230.....	77
Biểu số 2.14: Phiếu chi số 821	78
Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung	79
Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 642.....	80
Biểu số 2.17: Giấy báo có số 2369	83
Biểu số 2.18: Giấy báo nợ số 2235.....	84
Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung	85
Biểu số 2.20 Trích sổ cái TK 515	85
Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 635.....	86
Biểu số 2.22: Phiếu kê toán số 36.....	90
Biểu số 2.23 Phiếu kê toán số 37.....	91
Biểu số 2.24: Phiếu kê toán số 38.....	92
Biểu số 2.25: Phiếu kê toán số 39.....	93
Biểu số 2.26: Phiếu kê toán 40	94
Biểu số 2.27: Trích sổ Nhật ký chung	95
Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 911	96
Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi tiết bán hàng.....	105
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	105
Biểu số 3.4: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh	107

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA 102

LỜI MỞ ĐẦU

Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập với kinh tế khu vực và quốc tế, vấn đề cấp bách đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài, công ty đa quốc gia? Chính vì thế, kế toán được các doanh nghiệp sử dụng như một công cụ khoa học để tiếp cận một cách khách quan, thông hiểu tường tận các dữ liệu tài chính từ đó ghi nhận, phân tích và trình bày một cách thích hợp. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả là một nhân tố đóng vai trò quan trọng, cho thấy được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức hạch toán khoa học và hợp lý công tác kế toán và đặc biệt là kế toán trong khâu tập hợp doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp, thời gian thực tập tại Công ty Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An em đã lựa chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty **TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**.”

Kết cấu của đề tài của em gồm 3 phần chính:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/2016/TT-BTC

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

Do khả năng lý luận và thời gian tiếp cận còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Trần Thị Trang

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC****1. Các vấn đề cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo thông tư 133/2016/TT-BTC****1.1 Khái niệm doanh thu****1.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Doanh thu:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp nên sẽ không được coi là doanh thu. Các khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu không là Doanh thu. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu:* doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

**Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành và ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.1.1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được bằng tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa gia công.
- Đối với hàng hóa bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.2 Khái niệm chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Các loại chi phí:

- Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hóa đơn đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc giá thành thực tế dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí quản lý kinh doanh: là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,... Và các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp,...
- Chi phí hoạt động tài chính: là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn,...
- Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh cho các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Bao gồm:
 - Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
 - Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
 - Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
 - Các khoản chi phí khác.
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận từ năm trước.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.3 Khái niệm xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.
- *Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính với chi phí từ hoạt động tài chính.
- *Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu khác và các khoản chi phí khác.
- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:* là tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác
--	---	--	---	---	---	---------------------------

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:* là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp.

Thuế TNDN phải nộp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	×	Thuế suất thuế TNDN
-------------------------------	---	--	---	--------------------------------

- *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*: là tổng số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Thuế TNDN phải nộp}$$

1.2 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.
- Ghi chép, phản ánh chính, đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh
- Theo dõi thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác của doanh nghiệp
- Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục, và địa điểm phát sinh chi phí
- Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng tồn kho cuối kỳ lớn
- Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp
- Cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo thông tư 133/2016/TT-BTC

1.3.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1.1 Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong các doanh nghiệp

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:*

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- *Phương thức gửi hàng đi bán:*

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- *Phương thức hàng đổi hàng:*

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- *Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:*

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:*

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ

lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ:*

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

1.3.1.2 Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng, séc thanh toán, séc chuyển khoản...

1.3.1.3 Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 511 được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2.
- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112- Doanh thu bán thành phẩm
- Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118- Doanh thu khác

Ngoài ra để phản ánh doanh thu bán hàng kế toán còn sử dụng các tài khoản khác như TK 111, TK 112, TK 131, 333....

Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp • Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán • Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

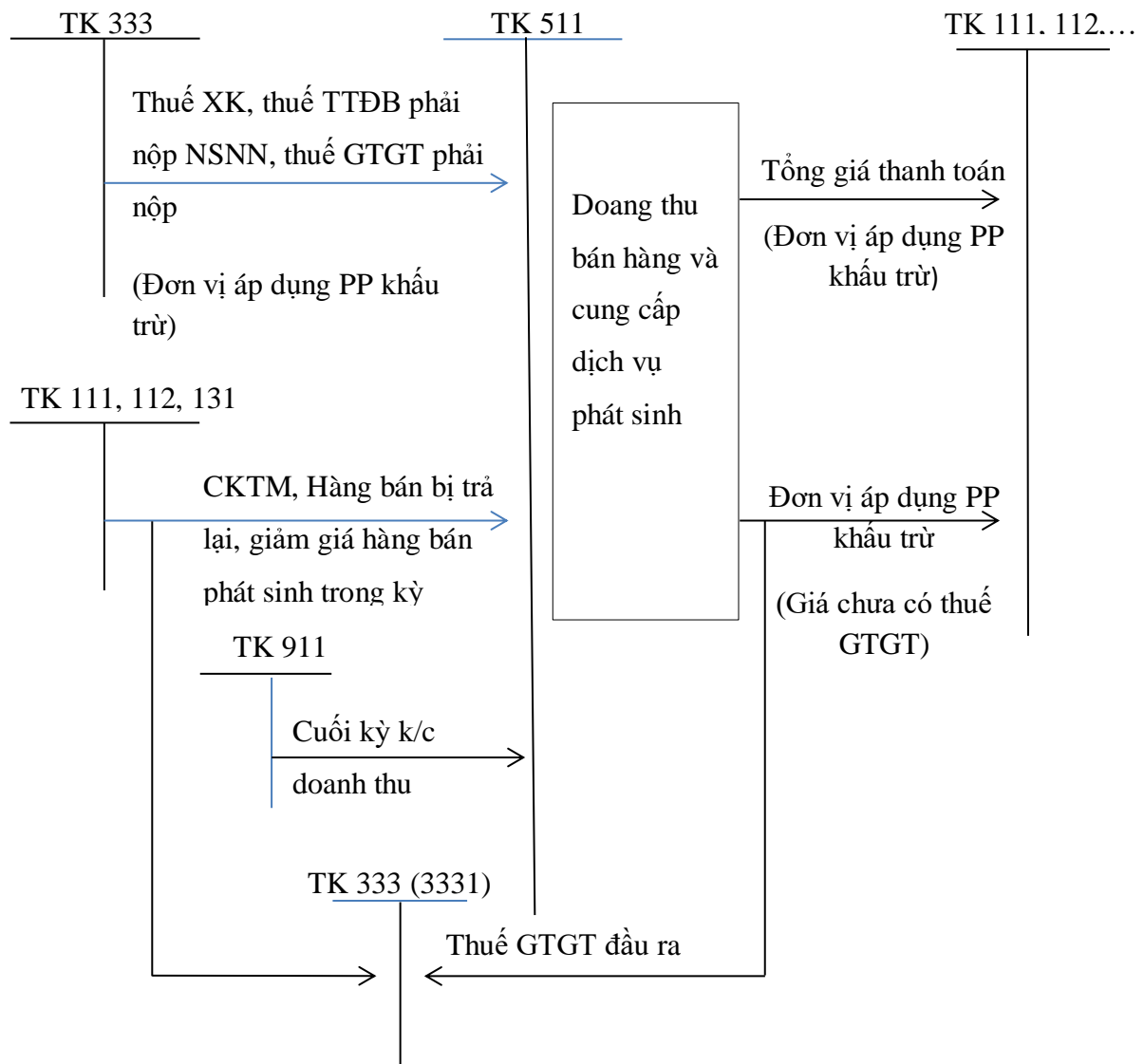
Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính, các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

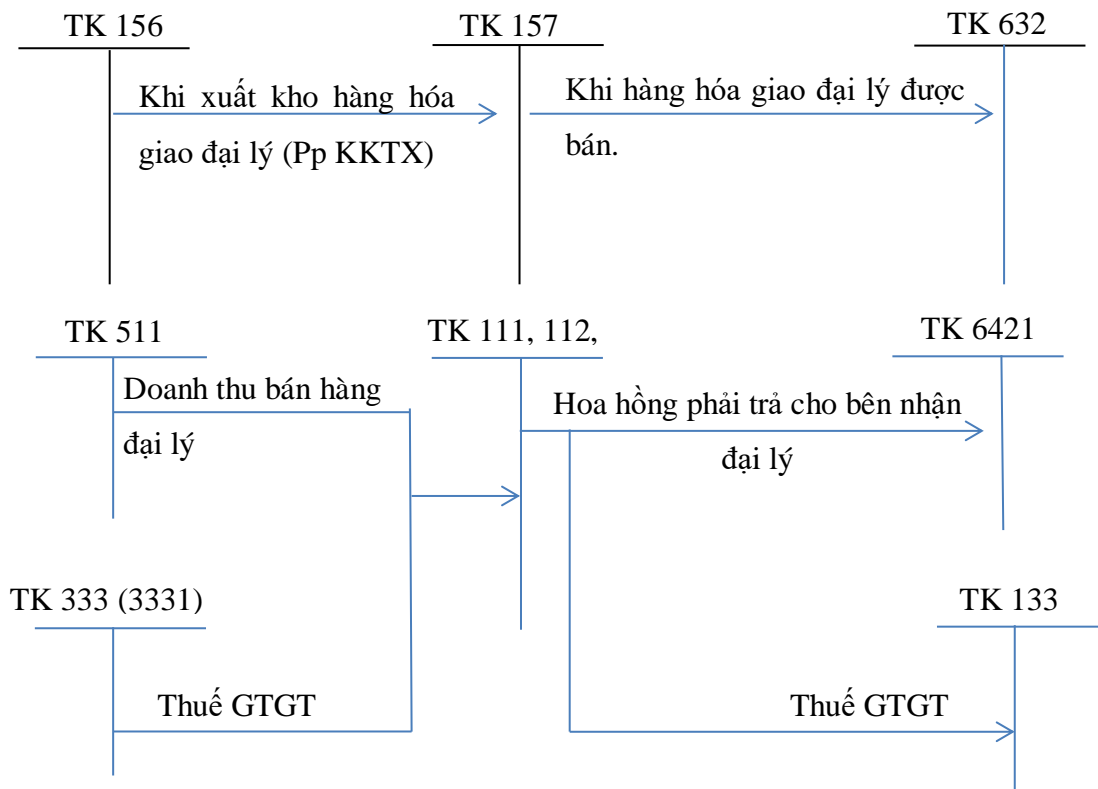
1.3.1.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu theo các phương thức bán hàng:

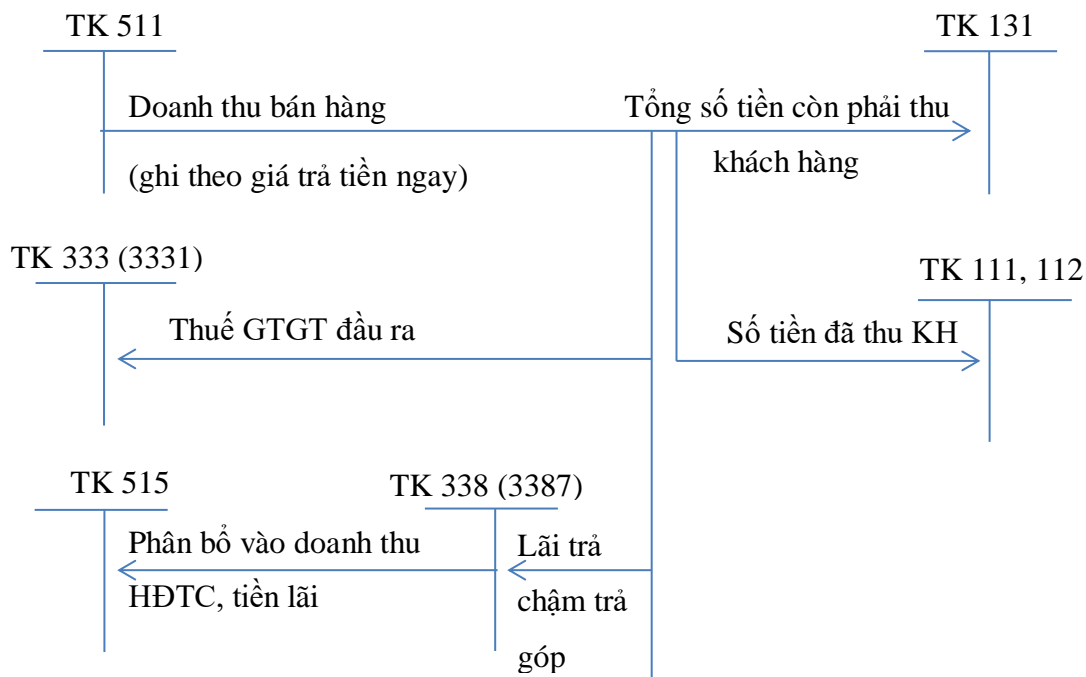
- Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán trực tiếp (sơ đồ 1.1)
- Kế toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý (sơ đồ 1.2)
- Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp (sơ đồ 1.3)



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương pháp bán trực tiếp



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán bán hàng qua đại lý (Đơn vị giao đại lý)



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm, trả góp

1.3.2 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

1.3.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

- **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm hàng hóa vật tư (hàng tồn kho) xuất được xác định trên cơ sở lấy số lượng xuất nhân với đơn giá bình quân. Phạm vi tính đơn giá xuất bình quân có thể là cả kỳ hiện tại, sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ trước trong đó:

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

Là phương pháp tính giá vốn hàng hóa xuất bán cuối kỳ trên cơ sở tính giá bình quân cả kỳ kinh doanh:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân gia quyền của 1 loại sản phẩm} = \frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{giá trị hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán 1 lần vào cuối kỳ.

+ Nhược điểm: Công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng tới tiến độ các phần hành khác, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay thời điểm phát sinh.

- *Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:*

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa vật tư tồn trước lần thứ } i + \text{Trị giá vật tư hàng hóa nhập lần thứ } i}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa tồn trước lần nhập thứ } i + \text{Số lượng vật tư hàng hóa nhập lần thứ } i}$$

+ Ưu điểm: Khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

+ Nhược điểm: Tính toán nhiều lần.

Phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, lưu lượng xuất nhập ít. Đặc biệt áp dụng trong kế toán máy.

- **Phương pháp FIFO (nhập trước xuất trước)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng được nhập trước thì sẽ tiêu thụ trước. Do đó hàng tồn cuối kỳ là những hàng hóa nhập sau. Vì vậy giá vốn hàng hóa xuất kho trong kỳ được tính theo giá của hàng hóa nhập trước.

+ Ưu điểm: Tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

+ Nhược điểm: Doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên.

- **Phương pháp giá thực tế đích danh**

Sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

+ Ưu điểm: tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

+ Nhược điểm: Đòi hỏi điều kiện khắt khe, những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới áp dụng được phương pháp này.\

1.3.2.2 Chứng từ sử dụng

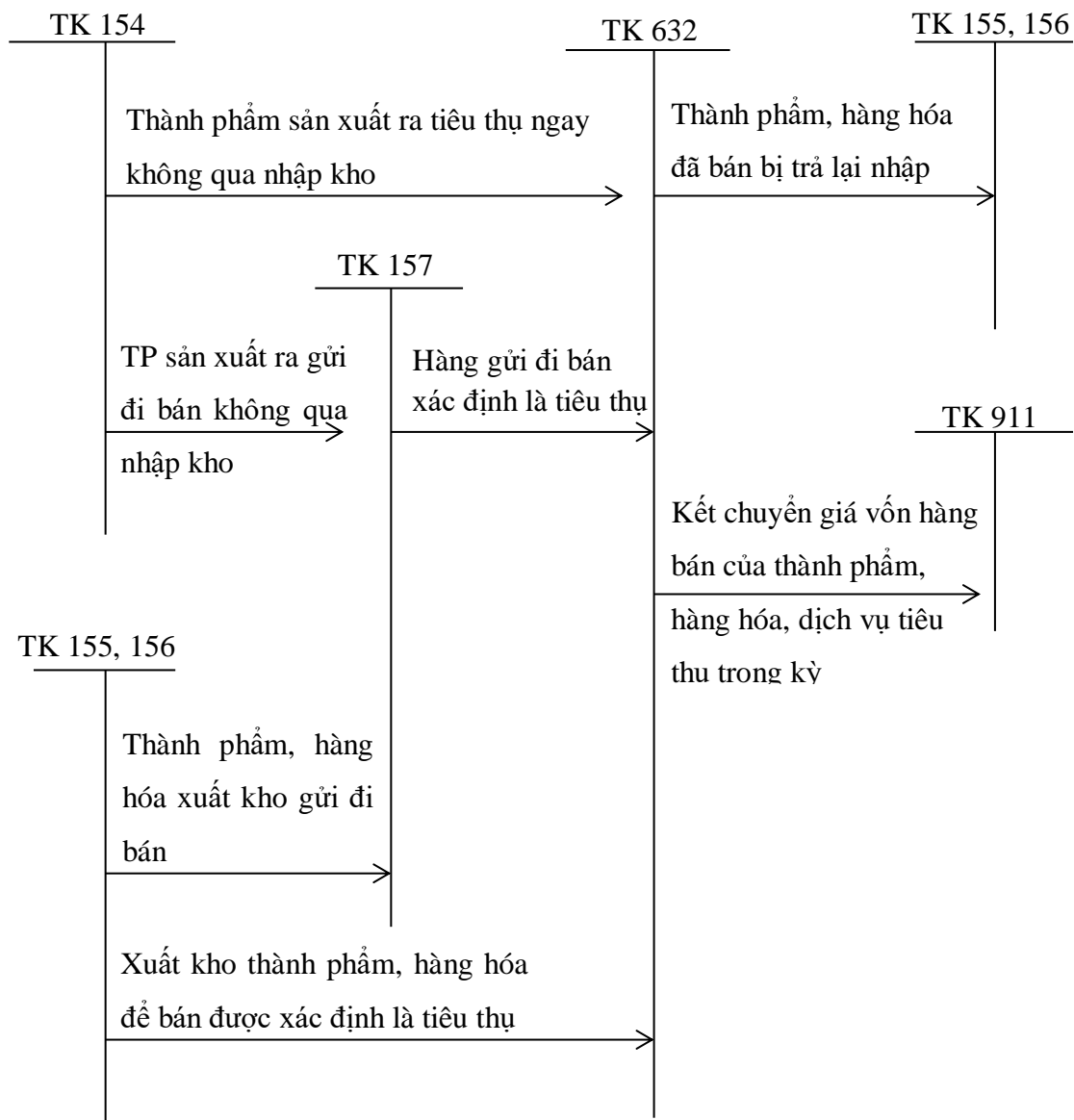
- Phiếu xuất kho;
- Hóa đơn bán hàng;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.3.2.3 Tài khoản sử dụng

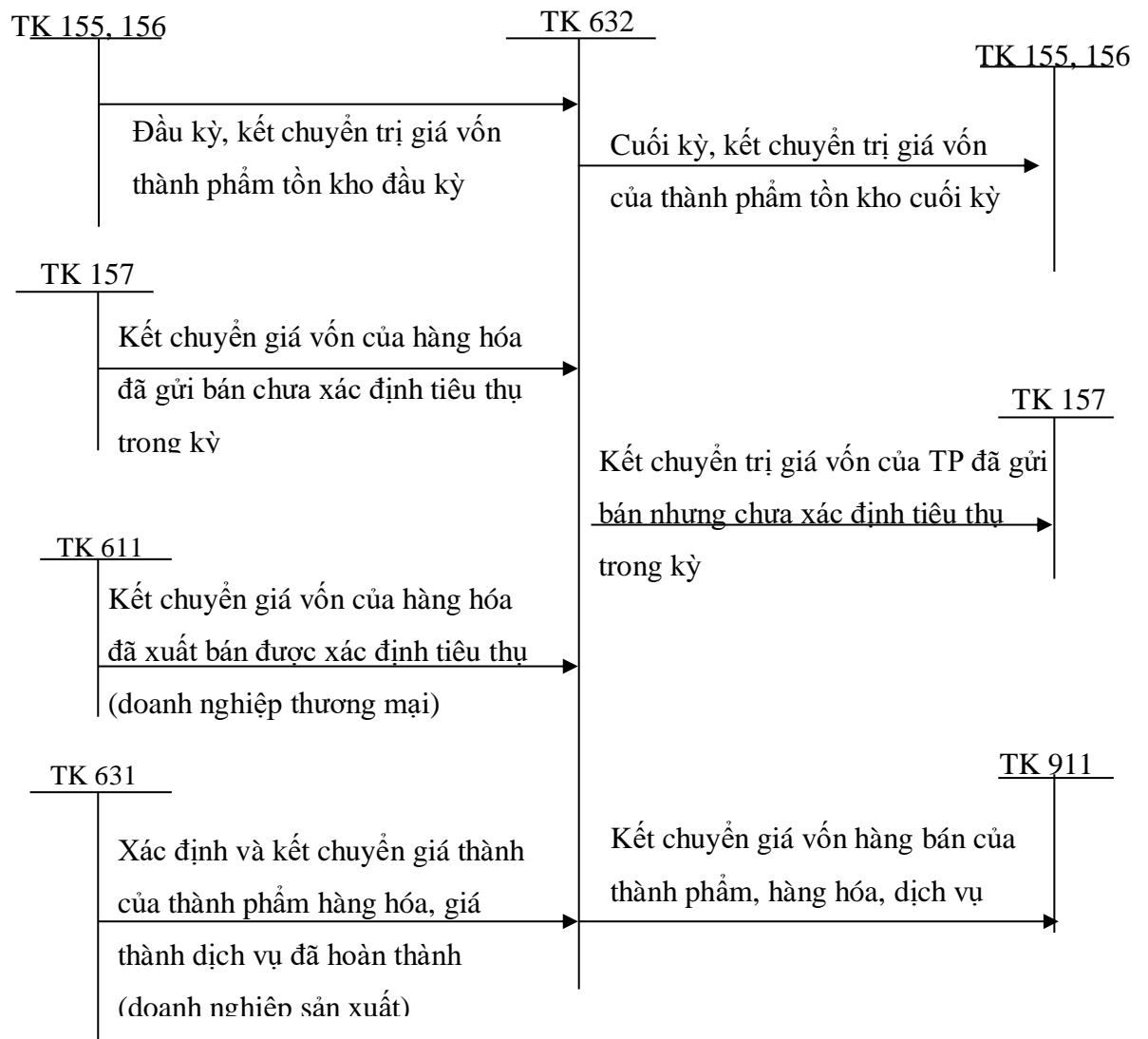
Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Kết cấu TK 632

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. • Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. • Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. • Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. • Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911:" Xác định kết quả kinh doanh". • Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. • Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.3. Tổ chức kế toán chi phí quản lý kinh doanh:*1.3.3.1 Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn thuế GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

*1.3.3.2 Tài khoản sử dụng:***Tài khoản 642** – Chi phí quản lý kinh doanh

Các tài khoản cấp 2:

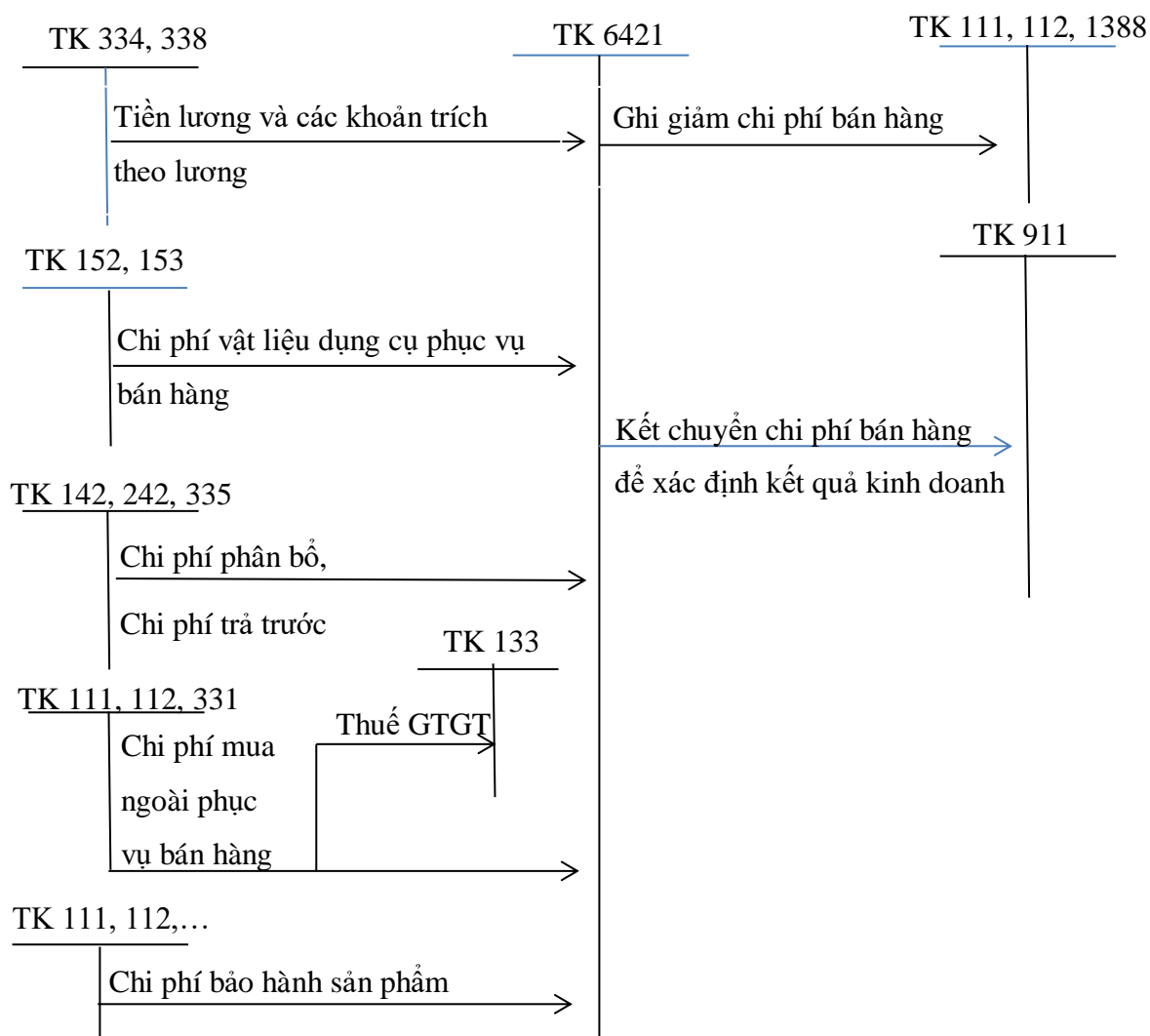
- TK 6421- Chi phí bán hàng
- TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ quản lý kinh doanh gồm CP lương bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, thuế nhà đất, thuế môn bài, chi phí dự phòng, khấu hao TSCĐ phục vụ cho bộ phận QLDN, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Kết cấu tài khoản 6421

Nợ	TK 6421	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ. 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản chi phí giảm chi phí bán hàng (nếu có) • Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ báo cáo
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

TK 6421 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng

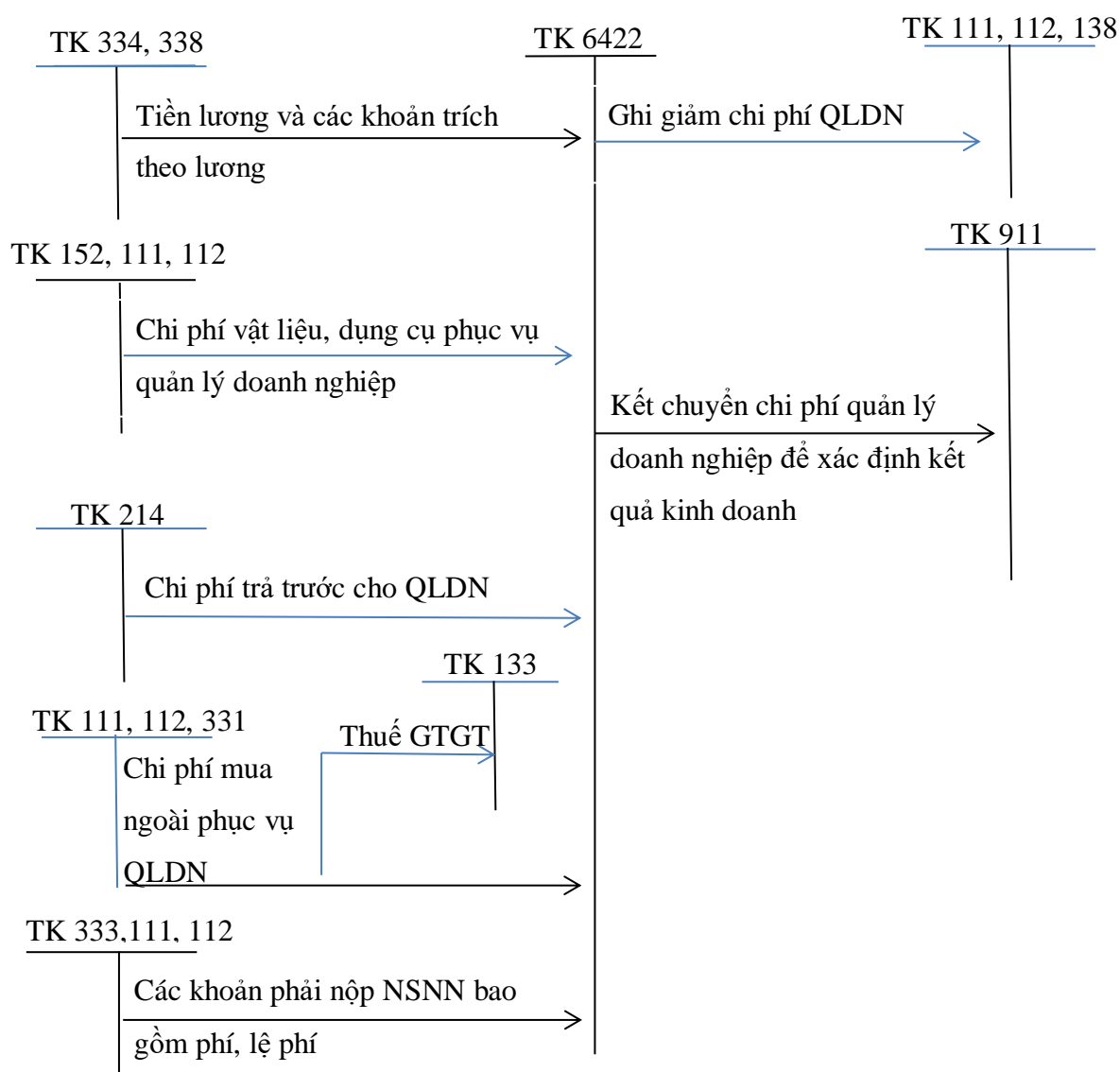
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng

Kết cấu TK 6422

Nợ	TK 6422	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp chi phí quản lý chung của doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản chi phí giảm chi phí bán hàng (nếu có) • Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ báo cáo
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

TK 6422 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính**1.3.4.1 Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ có liên quan

1.3.4.2 Tài khoản sử dụng:**Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp • Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> • Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia • Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết • Chiết khấu thanh toán được hưởng • Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh • Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính • Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. 	
∑ Phát sinh Nợ	∑ Phát sinh Có	

TK 515 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh các chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, chi phí lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.....

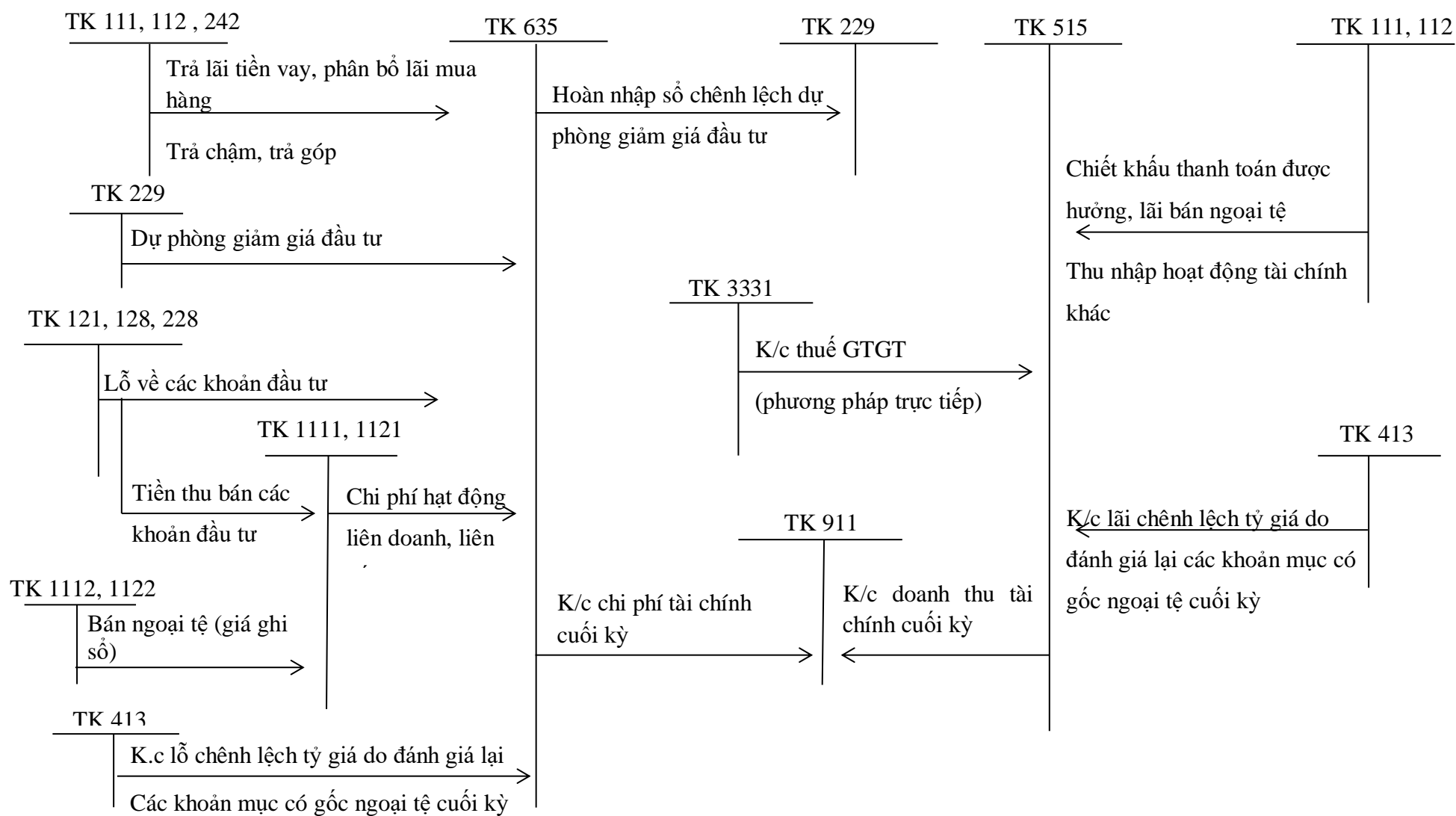
Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi do thuê tài sản • Chiết khấu thanh toán cho người mua • Lỗ khi bán ngoại tệ • Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư • Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của HĐKD • Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của HĐKD • Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán • Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác • Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước) 	<ul style="list-style-type: none"> • Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết) • Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.4.3: Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí tài chính

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính

1.3.5 Tổ chức kế toán thu nhập, chi phí khác

1.3.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên lai nộp thuế, nộp phạt và các chứng từ khác có liên quan

1.3.5.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại...

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ • Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ • Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ • Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật, của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp • Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). • Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát • Giá trị còn lại của tài sản cố định sau khi bị phá dỡ • Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có) • Chênh lệch lỗ sau khi đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định được sử dụng để góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết hoặc các loại đầu tư dài hạn khác • Tiền phạt phải trả do vi phạm các hợp đồng kinh tế, phạt hành chính mà doanh nghiệp phải chịu 		<ul style="list-style-type: none"> • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.5.5.3 Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí khác

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.9 như sau:

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**1.3.6 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp****1.3.6.1 Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Quyết định xử lý lỗ các năm trước
- Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp
- Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.6.2 Tài khoản sử dụng**Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí hoạt động tài chính, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí khác • Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> • Tổng doanh thu thuần tiêu thụ trong kỳ • Tổng doanh thu thuần hoạt động tài chính và hoạt động khác • Kết chuyển lỗ 	
∑ Phát sinh Nợ		∑ Phát sinh Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Kết cấu tài khoản 821:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Thuế TNDN phải nộp tính vào CP thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm • CP thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót 		<ul style="list-style-type: none"> • Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm; • Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm giá do phát hiện sai sót ko trọng yếu của các năm trước • Kết chuyển CP thuế TNDN hiện hành vào bên nợ của TK 911 – xác định kết quả kinh doanh
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 421: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp

Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp • Trích lập các quỹ của doanh nghiệp • Chia cổ tức, lợi nhuận cho các chủ sở hữu • Bổ sung nguồn vốn kinh doanh • Nộp lợi nhuận lên cấp trên 		<ul style="list-style-type: none"> • Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ • Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên • Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
Σ Phát sinh Nợ		Σ Phát sinh Có

TK 421 không có số dư cuối kỳ

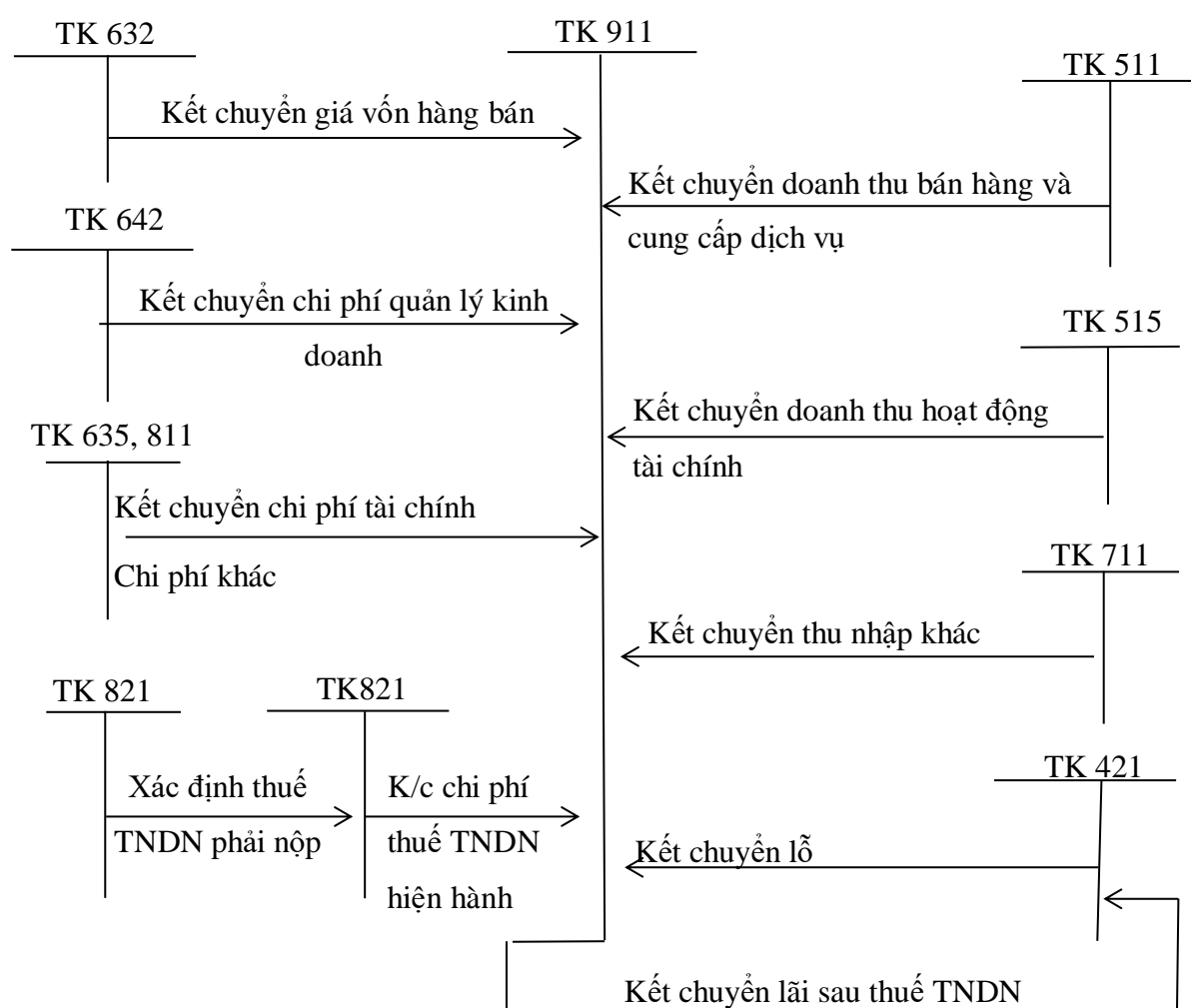
Tài khoản cấp 2:

+ TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

1.3.6.3: Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.10 như sau:



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.4 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo TT133/2016/TT-BTC

Theo phụ lục 4 của Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ tài chính thì hình thức ghi sổ kế toán bao gồm:

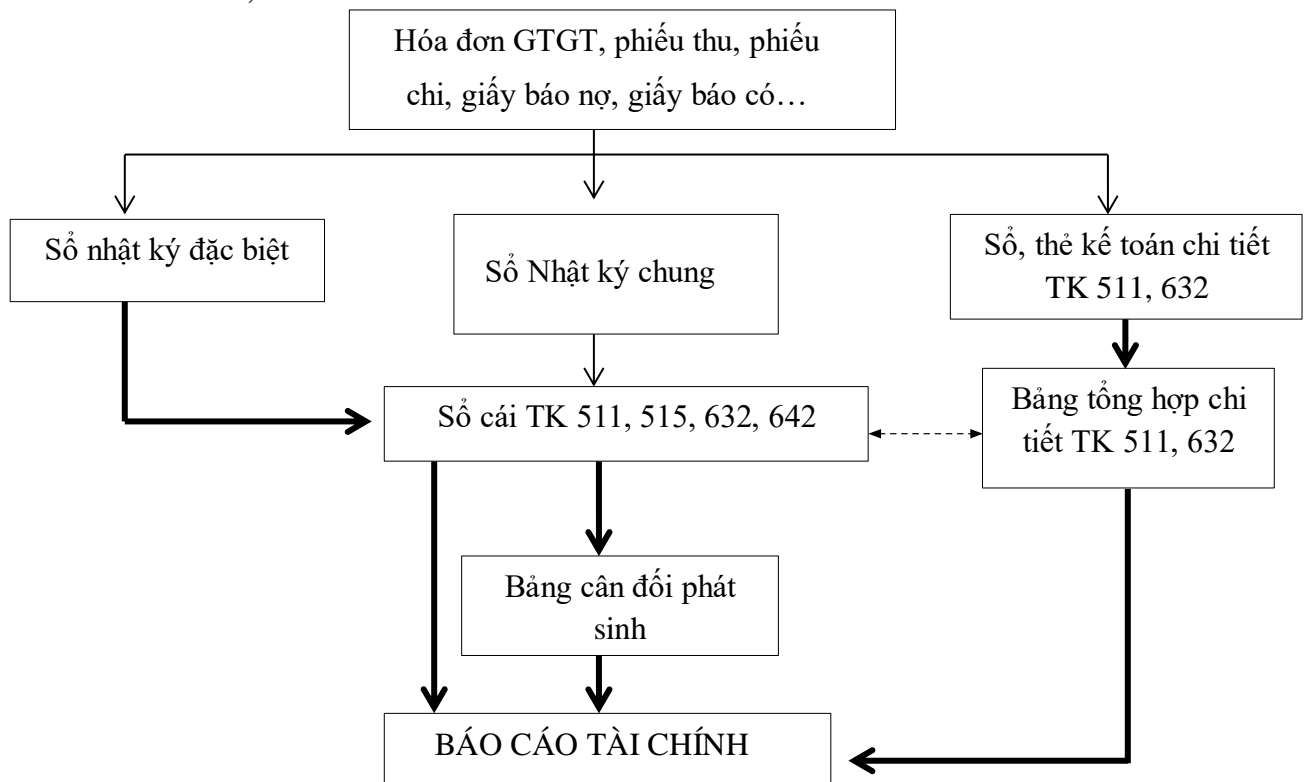
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc điểm: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————→
Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ	—————→
Đôi chiếu	←-----→

Sơ đồ 1.11 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng để làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

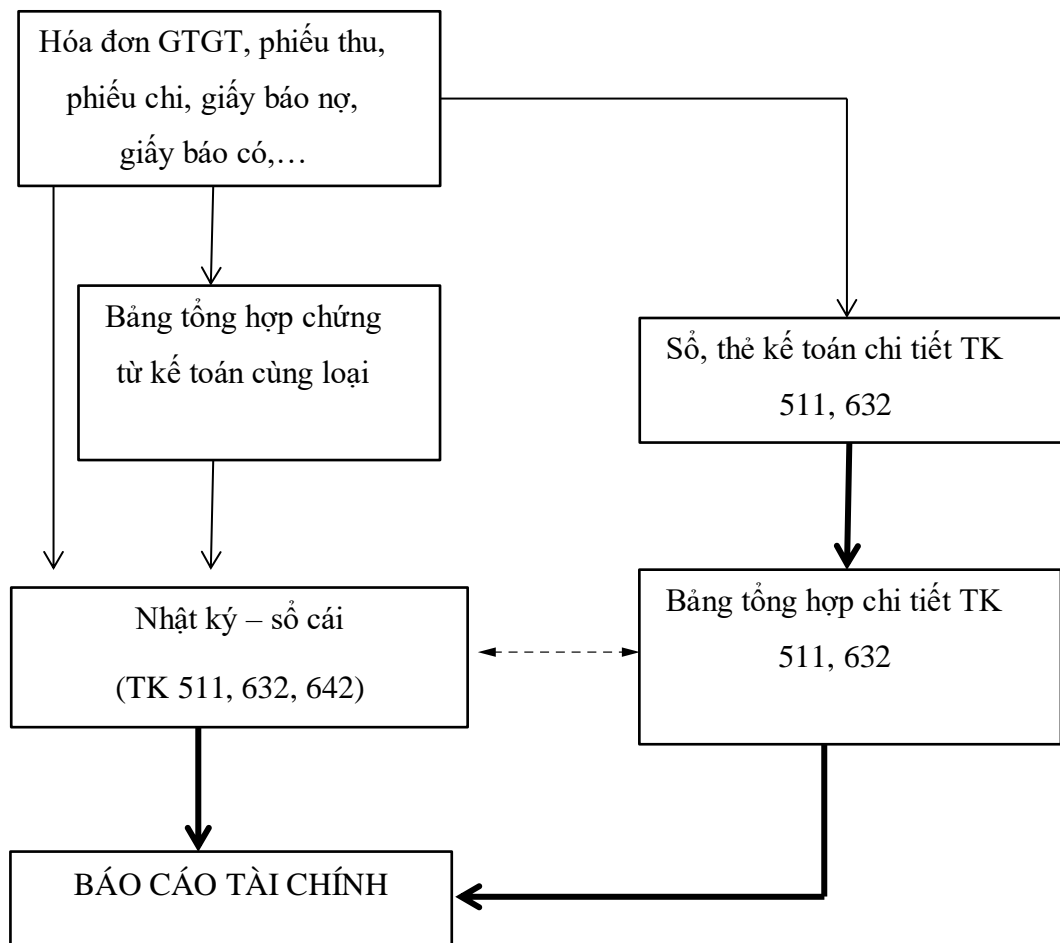
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái

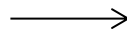
Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo TK Kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái gồm các loại sổ sau:

- Nhật ký- sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**Ghi chú:**

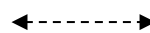
Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký – Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ chi tiết có liên quan.

Cuối tháng: Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành

cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ Cái.

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký – Sổ cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

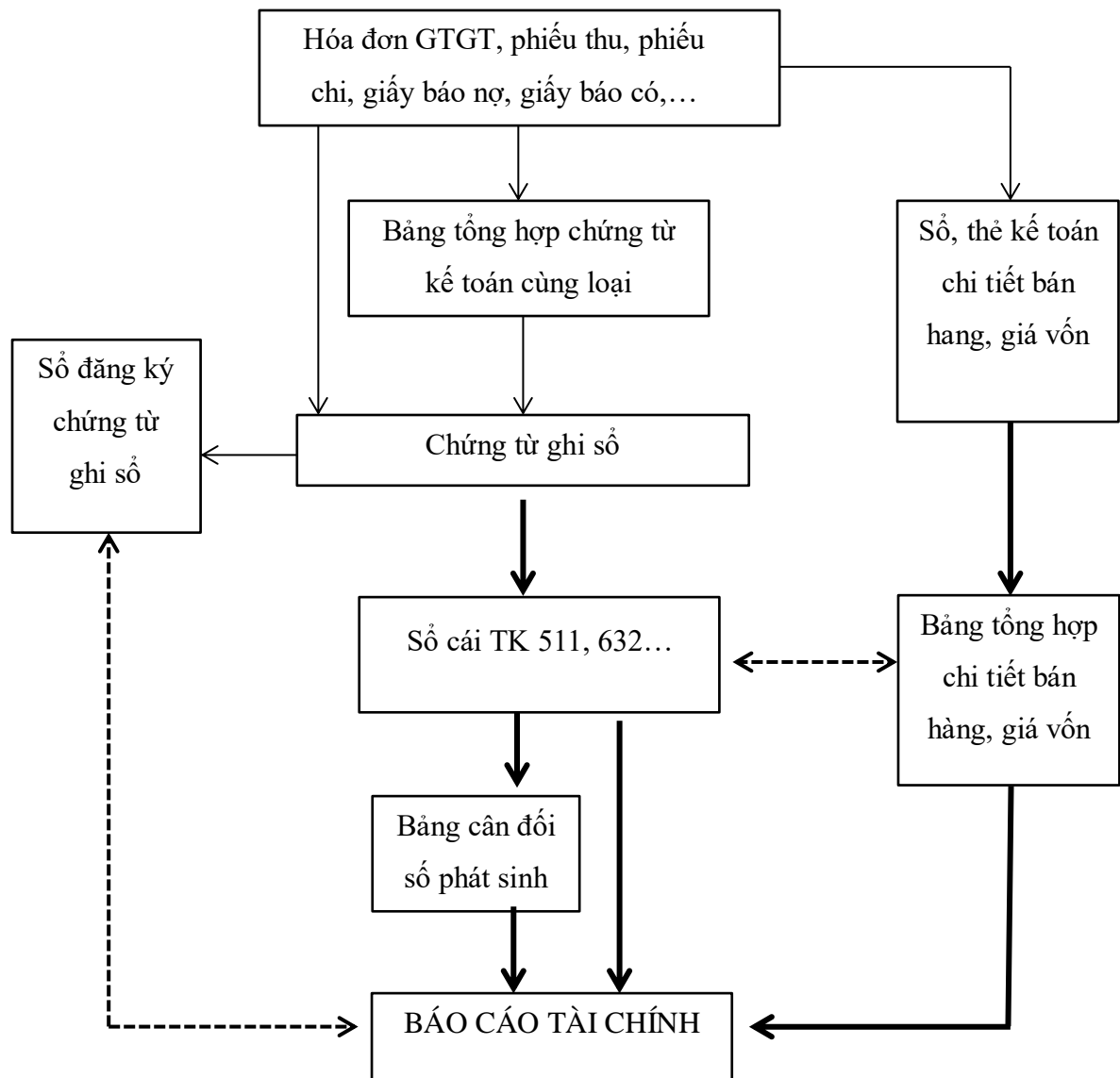
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ chủ yếu sau:

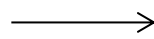
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ

- Sổ cái
- Các sổ,thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu

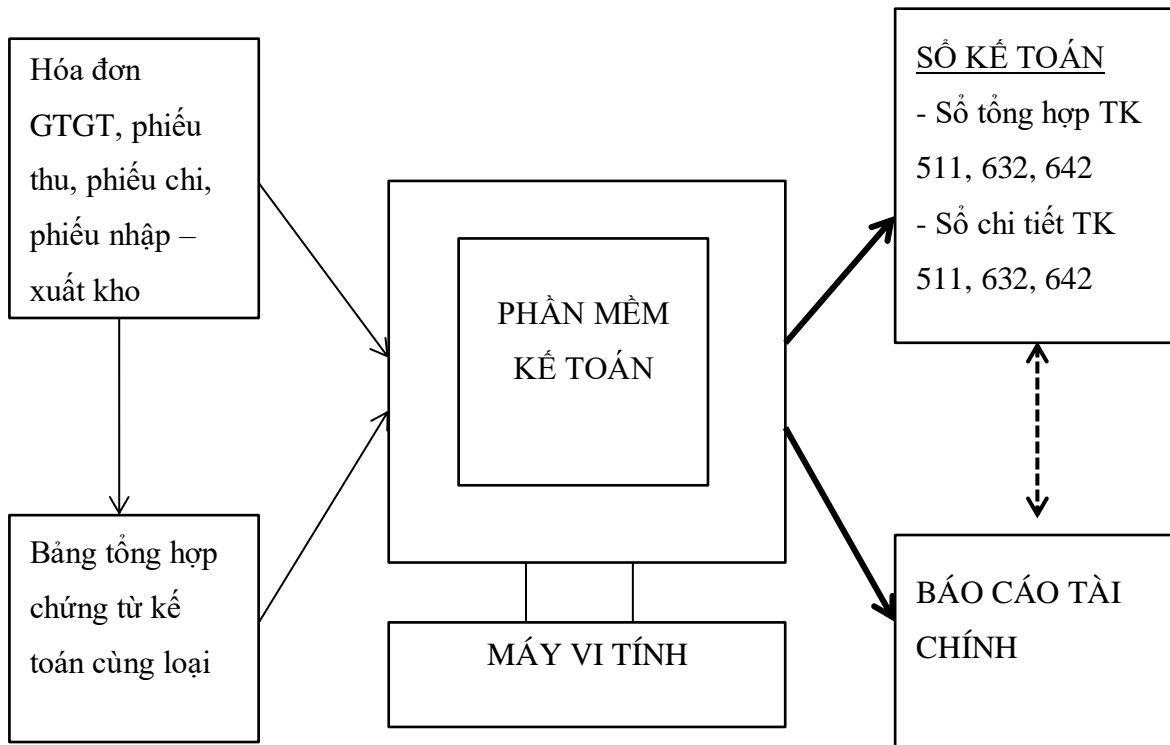


Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.4.4 Hình thức kế toán máy**Ghi chú:**Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ \longrightarrow Đối chiếu \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2:**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN****2.1 Khái quát về công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An****2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**

- Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN
- Tên giao dịch quốc tế: THINH AN SERVICE AND DEVICES COMPANY LIMITED
- Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng
- Điện thoại: 0972.274.123
- Loại hình pháp lý: Công ty TNHH 1 thành viên
- Mã số thuế: 0201808982
- Người đại diện: Ông Vũ Bá Nha – Giám đốc công ty
- **Vốn điều lệ: 1.680.000.000 (Một tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng chẵn)**
- Ngày thành lập: 21/09/2017

Công ty TNHH Thiết bị và Dịch Vụ Thịnh An thành lập vào ngày 21/09/2017 với số vốn điều lệ ban đầu là 2.680.000.000

Là công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng để giao dịch và tài khoản được mở tại ngân hàng Sacombank Hải Phòng. Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An là công ty chuyên cung cấp phần mềm – thiết bị bán hàng – thiết bị an ninh

Từ khi hoạt động cho đến nay, Công ty đã nhiều lần có sự thay đổi về nhân lực cũng như cơ cấu tổ chức, các ngành nghề kinh doanh cũng được bổ sung, đổi mới liên tục để phù hợp với nhu cầu của xã hội

2.1.2 Các ngành nghề kinh doanh của công ty

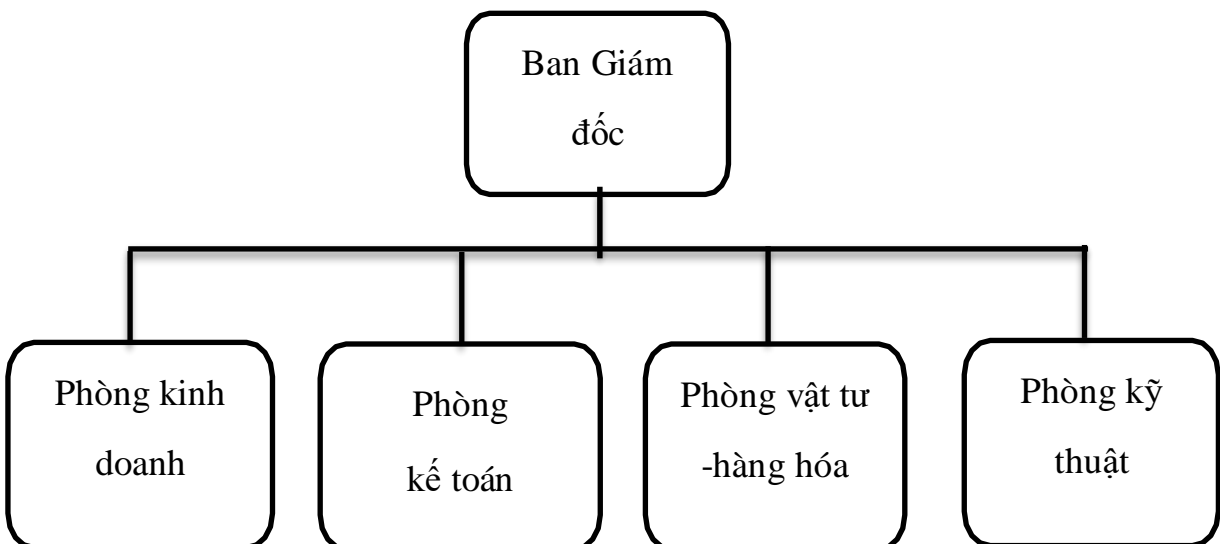
Các mặt hàng thương mại: Bao gồm các hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin liên quan đến máy vi tính: Cân điện tử, máy chấm công, máy nhiệt, máy đọc mã vạch, phần mềm quản lý thiết bị bán hàng,...

Một số ngành nghề khác mà công ty đang hoạt động:

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Lập trình máy vi tính
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
- Sửa chữa thiết bị liên lạc
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức quản lý của công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

2.1.3.1 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An được thể hiện qua sơ đồ 2.1



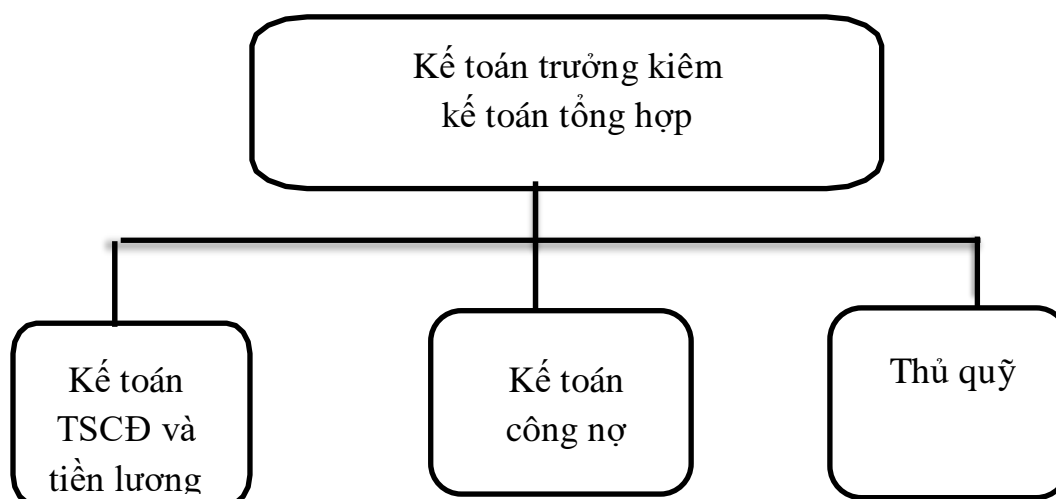
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

- **Giám đốc**
Điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, ban hành quy định và các quyết định cuối cùng, chịu trách nhiệm và các quyết định cuối cùng, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Doanh nghiệp
- **Phòng kinh doanh:**
Đây là bộ phận quan trọng có nhiệm vụ chính là đem được sản phẩm tới tay khách hàng. Tham mưu cho Ban Giám đốc các vấn đề liên quan đến việc bán các sản phẩm, dịch vụ của công ty ra thị trường
- **Phòng kế toán**
Công ty là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập được tổ chức theo mô hình hạch toán tập trung. Vì thế phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính
- **Phòng kỹ thuật**
Là một trong những bộ phận cốt lõi phụ trách các vấn đề liên quan đến hoạt động của máy móc, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả.
 - Lắp đặt, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thiết bị máy móc, dây chuyền sản xuất,... theo công nghệ mới tiên tiến, phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp
 - Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đảm bảo hệ thống máy móc hoạt động ổn định, chính xác và an toàn.
 - Theo dõi, bảo trì, sửa chữa, nâng cấp và thay mới hệ thống thiết bị theo định kỳ hoặc khi có dấu hiệu hư hỏng
 - Giải quyết các vấn đề, sự cố liên quan đến hệ thống kỹ thuật, máy móc, thiết bị
- **Phòng vật tư – hàng hóa:** Quản lý việc sử dụng, sửa chữa, bảo trì, mua sắm bổ sung trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.4 Đặc điểm công tác kế toán tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

2.1.4.1 Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Bộ máy kế toán của công ty tổ chức theo hình thức tập trung (sơ đồ 2.2), toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Chứng từ kế toán sẽ được gửi về phòng kế toán công ty để lập Báo cáo tài chính. Bộ máy kế toán gọn nhẹ nhưng khâu tổ chức chặt chẽ phù hợp với từng năng lực của từng nhân viên quản lý và đạt hiệu quả cao trong hạch toán của công ty từng phân hành nghiệp vụ.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại công ty

➤ Chức năng nhiệm vụ của từng nhân viên

Kế toán trưởng: Là người đảm nhận các công tác kế toán của công ty, tham mưu cho giám đốc để đề xuất biện pháp tài chính hiệu quả. Ngoài ra kế toán trưởng còn phải theo dõi các nghĩa vụ với nhà nước và chịu trách nhiệm với cơ quan pháp luật về toàn bộ số liệu kế toán công ty.

Kế toán TSCĐ và tiền lương: Hạch toán, theo dõi từng loại TSCĐ của công ty, trích khấu hao và hao mòn TSCĐ. Phụ trách phần việc tính lương cho người lao động trong công ty, trích các khoản theo lương theo đúng quy định đối với từng người lao động.

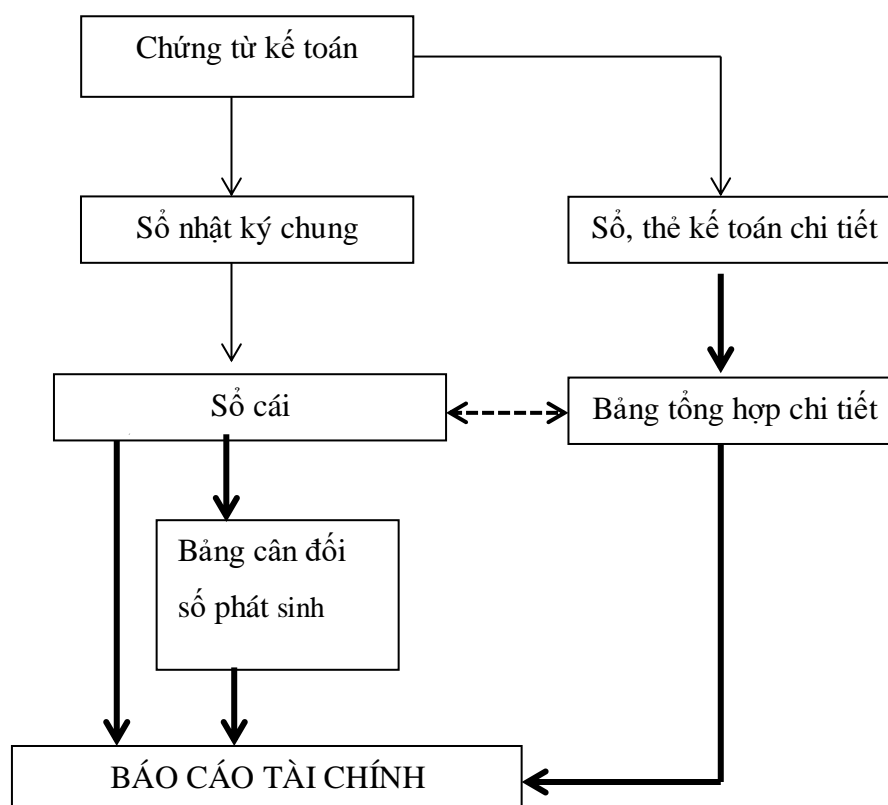
Kế toán công nợ: Phụ trách những công việc theo dõi, thu thập những chứng từ,

hóa đơn liên quan đến công nợ của công ty, theo dõi thu chi quỹ tại ngân hàng và quỹ tiền mặt để báo cáo với kế toán trưởng

Thủ quỹ : Làm nhiệm vụ thu chi tiền mặt dựa trên các chứng từ giấy đề nghị thanh toán, thu chi, tạm ứng, lập báo cáo quỹ tiền mặt theo quy định của pháp luật.

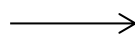
2.1.4.2 Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An được thể hiện qua sơ đồ 2.3



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ



Đối chiếu



Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.
- Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng SPS nợ và tổng SPS có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

2.1.4.3 Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

Các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 dương lịch
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:
 - Bảng cân đối tài khoản – Mẫu số F01-DNN
 - Báo cáo tình hình tài chính - Mẫu B01a-DNN
 - Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh- Mẫu B02-DNN
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ- Mẫu B03-DNN

2.1.4.4 Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ 01/01 hàng năm kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ: VNĐ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính trị giá tồn kho cuối kỳ : Phương pháp FIFO.
- Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng: Phương pháp khấu trừ .
- Căn cứ vào số lượng tài khoản sử dụng cũng như quy mô, đặc điểm hoạt động của công ty. Hình thức kế toán được sử dụng là hình thức kế toán “Nhật ký chung”.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí hoạt động hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

2.2.1.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- *Chứng từ sử dụng*
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu thu, phiếu chi
 - Giấy báo nợ, giấy báo có
 - Các chứng từ có liên quan,...

- *Tài khoản sử dụng*

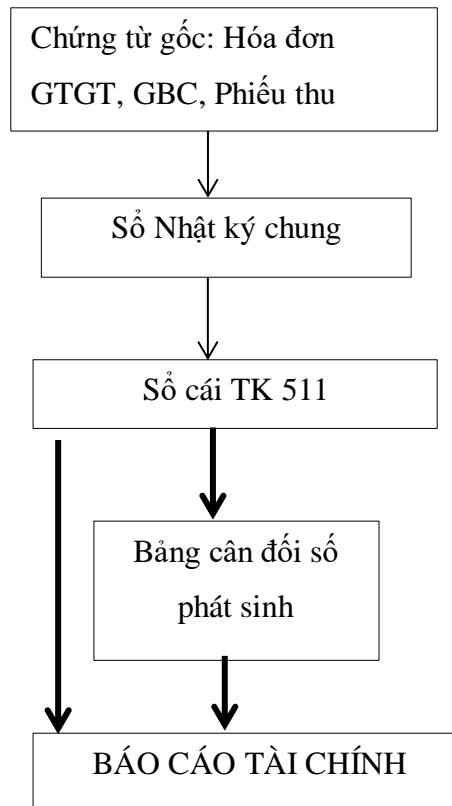
TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- *Sổ sách kế toán sử dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán " Nhật ký chung". Vì vậy các sổ sách mà công ty sử dụng gồm:

- Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 511
 - Sổ chi tiết tài khoản 511
 - Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 511
- *Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại doanh nghiệp*

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.4



Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán doanh thu tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ \longrightarrow

- Ví dụ minh họa về kế toán doanh thu bán hàng của công ty

Ví dụ 1: Ngày 03/12, công ty xuất bán 3 máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B cho công ty TNHH Kangsung Vina, đơn giá 1.800.000đ (thuế VAT 10%), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt

Nợ TK 111: 5.940.000

Có 511: 5.400.000

Có 3331: 540.000

Ví dụ 2: Ngày 5/12/2020, xuất bán 2 máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7 cho công ty Cổ phần Dịch vụ Sao Việt với số tiền 22.150.000 đồng / cái chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sao Việt đã thanh toán bằng chuyển khoản

Nợ TK 112: 48.730.000

Có TK 511: 44.300.000

Có 3331: 4.430.000

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000526

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/20P			
Ngày 03 tháng 12 năm 2021		Số: 0000526			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN					
Mã số thuế: 0201808982					
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đông Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng					
Điện thoại: 09772.274.123					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Trần Thu Thảo					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH KANGSUNG VINA					
Mã số thuế: 0202094226					
Địa chỉ: Số 1/9/467 Đằng Hải, Phường Đằng Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B	Cái	3	1.800.000	5.400.000
Cộng tiền hàng					5.400.000
Thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		540.000
Tổng cộng tiền thanh toán					5.940.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng/.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.2: Phiếu thu số 411**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh

An

Mẫu số 01 – TT**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**PHIẾU THU**

Ngày 03 tháng 12 năm 2021

Số: 411

Nợ TK 111: 5.940.000

Có TK 511: 5.400.000

Có TK 3331: 540.000

Họ và tên người nộp tiền: Trần Thu Thảo

Địa chỉ: Công ty TNHH Kangsung Vina

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng - Máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B

Số tiền: 5.940.000

(Viết bằng chữ): Năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng.

Kèm theo:.....01..... Chứng từ gốc.....

Ngày 03 tháng 12 năm 2021

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nộp tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.3 :Hóa đơn GTGT số 0000536

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội bộ			Ký hiệu: AA/20P		
Ngày 05 tháng 12 năm 2021			Số: 0000536		
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN					
Mã số thuế: 0201808982					
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đông Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Phương Anh					
Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SAO VIỆT					
Mã số thuế: 0201002293					
Địa chỉ: Số 28 Máy Tơ, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Số tài khoản: 01858888					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7	Cái	2	22.150.000	44.300.000
Cộng tiền hàng:					44.300.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:4.430.000		
Tổng cộng tiền hàng:.....					48.730.000
Số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, họ tên)	

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.4: Giấy báo có số 2248

	GIẤY BÁO CÓ	Số: 2248
		Mã GDV: TRANGNT
		Mã KH: 19250
Ngày 05/12/2021		
Kính gửi: Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An		
Mã số thuế: 0201808982		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi CÓ: 19602009817024		
Số tiền bằng số: 48.730.000		
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn <i>đồng chẵn</i> .		
Nội dung: <i>##Công ty Cổ phần Dịch vụ Sao Việt thanh toán tiền hàng theo HĐ0000536 cho Thịnh An ##</i>		
Giao dịch viên		Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
03/12	HĐ0000526 PT411	03/12	Bán Máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B cho công ty TNHH Kangsung Vina	111	5.940.000	
				511		5.400.000
				3331		540.000
03/12	PX618	03/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH Kangsung Vina	632	5.280.000	
				156		5.280.000
			...			
05/12	HĐ0000536	05/12	Bán máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7 cho công ty CP Sao Việt	112	48.730.000	
				511		44.300.000
				3331		4.430.000
05/12	PX760	05/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty CP Dịch vụ Sao Việt	632	42.020.000	
				156		42.020.000
			...			
07/12	GBC1912	07/12	Công ty Cổ phần Đông Á ứng trước tiền mua hàng	112	40.488.000	
				131		40.488.000
			...			
28/12	PC821	28/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại & Nội thất Minh Phát	642	1.012.500	
				133	101.250	
				111		1.113.750
			...			
			Công phát sinh		21.120.320.487	21.120.320.487

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2021

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 5111

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			...			
03/12	HĐ0000526 PT411	03/12	Bán máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B cho công ty TNHH Kangsung Vina	111		5.400.000
04/12	HĐ0000532	04/12	Bán Cân điện tử UPAQ cho CT TNHH TB máy VP Hoàng Quỳnh	111		1.250.000
05/12	HĐ0000536	05/12	Bán máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7 cho công ty CP Sao Việt	112		44.300.000
			...			
09/10	HĐ0000588	09/10	Bán máy chấm công vân tay cho công ty CP thực phẩm Uchi Việt Nam	111		2.100.0000
			...			
31/12	PKT023	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	1.638.654.347	
			Cộng phát sinh		1.638.654.347	1.638.654.347
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

2.2.1.2 Thực trạng công tác kế toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp

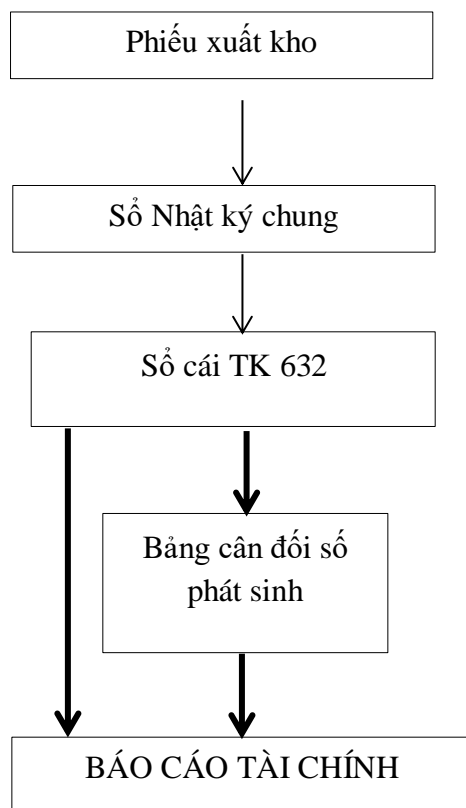
- Chứng từ sử dụng
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu chi
- Tài khoản sử dụng: TK632 – giá vốn hàng bán
- Sổ sách kế toán sử dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán " Nhật ký chung". Vì vậy các sổ sách mà công ty sử dụng gồm:

- Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái tài khoản 632
 - Sổ chi tiết tài khoản 632
 - Bảng tổng hợp chi tiết 632
- Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán

Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán tại công ty được thể hiện qua sơ đồ

2.5



Sơ đồ 2.5 Quy trình kế toán giá vốn tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ \longrightarrow

- Ví dụ minh họa về kế toán giá vốn hàng bán tại doanh nghiệp

Ví dụ 3 – tiếp ví dụ 1

Ngày 04/12, công ty xuất bán 3 máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B cho công ty TNHH Kangsung Vina, đơn giá 1.800.000đ (chưa thuế VAT 10%), khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Để xác định giá vốn hàng bán theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Công ty xác định đơn giá xuất kho như sau:

- Máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B đầu kỳ (01/12/2021) số lượng hàng tồn: 21 kg, đơn giá hàng tồn là 1.760.000 VND/ cái
- Ngày 02/12/2021, Công ty nhập kho số lượng: 10 cái, đơn giá 1.790.000 VND/ cái theo Hóa đơn số 0002264 của Công ty Cổ phần CPN
- Ngày 02/12/2021, Công ty xuất bán 3 cái Máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B thì đơn giá xuất kho là 1.760.000 VND/ cái

Vì vậy, trị giá xuất kho của Máy in mã vạch Xprinter KH: XP-350B xuất bán cho Công ty TNHH Kangsung Vina là:

$$3 * 1.760.000 = 5.280.000$$

Kế toán tiền hành xác định đơn giá xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 727 (Biểu số 2.9). Từ phiếu xuất kho, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.11). Căn cứ số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.11).

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh.

Ví dụ 4 – tiếp ví dụ 2

Ngày 5/12/2020, xuất bán 2 máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7 cho công ty Cổ phần Dịch vụ Sao Việt với số tiền 22.150.000 đồng / cái chưa bao gồm thuế GTGT 10%. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sao Việt đã thanh toán bằng chuyển khoản

Đơn giá đầu kỳ của máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7: 21.010.000 VND / cái

Đơn giá xuất kho của ngày 5/12 cho công ty Cổ phần dịch vụ Sao Việt là:

$$2 * 21.010.000 = 42.020.000$$

Nợ 632: 42.020.000

Có 156: 42.020.000

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho số 727

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha),
 Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-
 BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2021

Số phiếu: 727

Nợ 632: 5.280.000

Có 156: 5.280.000

Họ và tên người nhận hàng: Đào Huy Chính

Lý do xuất: Xuất bán

Xuất tại kho: 01

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Máy in mã vạch Xprinter KH: XP- 350B	Cái	3	3	1.760.000	5.280.000
Tổng tiền						5.280.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./..

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 03 tháng 12 năm 2021

Người lập phiếu
(ký, ghi họ tên)

Người nhận hàng
(ký, ghi họ tên)

Thủ kho
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.9: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
03/12	PX727	03/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH Kangsung Vina	632	5.280.000	
				156		5.280.000
			...			
05/12	PX735	05/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty CP dịch vụ Sao Việt	632	42.020.000	
				156		42.020.000
			...			
07/12	GBC19 12	07/12	Công ty Cổ phần Đông Á ứng trước tiền mua hàng	112	40.488.000	
				131		40.488.000
			...			
18/12	PC511	18/12	Thanh toán tiền cước internet	642	900.000	
				133	90.0000	
				111		990.0000
			...			
20/12	PC534	20/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH Uchi Việt Nam	632	52.289.671	
				156		52.289.671
			...			
28/12	PC821	28/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại & Nội thất Minh Phát	642	1.012.500	
				133	101.250	
				111		1.113.750
			...			
			Cộng phát sinh		21.120.320.487	21.120.320.487

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu 2.10 Trích sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An
Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha),
 Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư
 số 133/2016/TT- BTC ngày 26/8/2016
 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2021

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐÚ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			...			
03/12	PX727	03/12	Bán máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B cho công ty TNHH Kangsung Vina	156	5.280.000	
04/12	PX722	04/12	Bán Cân điện tử UPAQ cho CT TNHH TB máy VP Hoàng Quỳnh	156	1.100.000	
05/12	PXK735	05/12	Bán máy tính Dell Inspiron 15 3000 Core i7 cho công ty CP Sao Việt	156	42.020.000	
			...			
09/12	PX7342	09/12	Bán máy chấm công vân tay cho công ty CP thực phẩm Uchi Việt Nam	156	2.100.000	
			...			
31/12	PKT023	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		975.095.925
			Cộng phát sinh		975.095.925	975.095.925
			Số dư cuối kỳ			

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

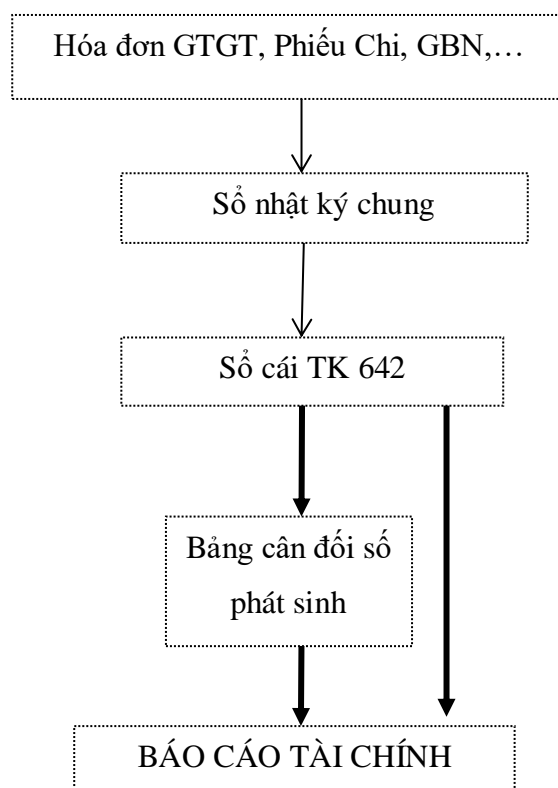
2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

- **Chứng từ sử dụng**
 - Hóa đơn GTGT
 - Phiếu chi
 - Giấy báo Nợ
 - Các chứng từ có liên quan khác
- **Tài khoản sử dụng : TK 642 – chi phí quản lý kinh doanh**
- **Sổ sách kế toán sử dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán " Nhật ký chung". Vì vậy các sổ sách mà công ty sử dụng gồm:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642
- **Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh**

Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.6



Sơ đồ 2.6 Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chú thích

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

- **Ví dụ minh họa về kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty**

Ví dụ 5: Ngày 18/12, thanh toán tiền cước internet VNPT tháng 11 số tiền là 990.000 (đã bao gồm thuế VAT 10%), doanh nghiệp đã trả bằng tiền mặt.

Nợ 642: 900.000

Nợ 133: 90.000

Có 111: 990.000


Căn cứ vào HĐ số 0001450, kế toán viết phiếu chi, sau đó kế toán phản ánh vào sổ chứng từ ghi sổ, tiếp theo kế toán phản ánh vào sổ cái tài khoản 642

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu các sổ cái tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 6: Ngày 27/12, thanh toán tiền mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại & Nội thất Minh Phát, số tiền 1.113.750 VNĐ.

Căn cứ vào HĐ 0003230, phiếu chi số 821 kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung Căn cứ vào Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642

Biểu số 2.11 Hóa đơn dịch vụ viễn thông

	HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao khách hàng		Mẫu số: 01GTKT- 2L-03 Ký hiệu: AA/21E Số: 0259957
	Mã số: TT Dịch vụ khách hàng - VTHP - Số 4 Lạch Tray. Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An Mã số thuế: 0201808982 Địa chỉ: (address): Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng Số điện thoại: (Tell): 0972.274.123.....Mã số (code)..... Hình thức thanh toán (kind of payment): TM		
Dịch vụ sử dụng (kind of service)		Thành tiền (amount)	
Kỳ hóa đơn tháng: 11/2021			
a, Cước dịch vụ viễn thông		900.000	
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế		0	
c, Chiết khấu + đa dịch vụ		0	
d, Khuyến mại		0	
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ		0	
(a + b + c + d)	Cộng tiền dịch vụ (1)	900.000	
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT (2)	90.000	
(1 + 2 + e)	Tổng cộng tiền thanh toán	990.000	

Số tiền viết bằng chữ: Chín trăm chín mươi nghìn đồng.

Ngày 18 tháng 12 năm 2021

Người nộp tiền ký

(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký

(Signature of dealing staff)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.12: Phiếu chi số PC612**PHIẾU CHI****Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ

Thịnh An

Mẫu số 02 – TT**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày 18 tháng 12 năm 2021

Số: 612

Nợ TK 642: 900.000

Nợ TK 133: 90.000

Có TK 111: 990.000

Họ tên người nhận tiền: Ngô Thị Tâm

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Chi tiền internet tháng 11/2021

Số tiền: 990.000

(Viết bằng chữ): Chín trăm chín mươi nghìn đồng.

Kèm theo chứng từ gốc.

Ngày 18 tháng 12 năm 2021

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). Chín trăm chín mươi nghìn đồng .

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.14: Phiếu chi số 821**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ

Thịnh An

Mẫu số 02 – TT**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)**PHIẾU CHI**

Ngày 27 tháng 12 năm 2021

Số: 821

Nợ TK 642: 1.012.500

Nợ TK 133: 101.250

Có TK 111: 1.113.750

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thùy Dương

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại và nội thất Minh Phát

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.113.750

(Viết bằng chữ): Một triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng./..

Kèm theo chứng từ gốc.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ). *Một triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
03/12	HĐ00005 26 PT411	03/12	Bán Máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B cho công ty TNHH Kangsung Vina	111	5.940.000	
				511		5.400.000
				3331		540.000
03/12	PX618	03/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH Kangsung Vina	632	5.280.000	
				156		5.280.000
			...			
18/12	PC511	18/12	Thanh toán tiền cước internet	642	900.000	
				133	90.0000	
				111		990.0000
			...			
20/12	PC534	20/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH Uchi Việt Nam	632	52.289.671	
				156		52.289.671
			...			
27/12	PC821	27/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại & Nội thất Minh Phú	642	1.012.500	
				133	101.250	
				111		1.113.750
28/12	PC832	28/12	Chi tiếp khách ăn uống	642	3.100.000	
				133	310.000	
				111		3.410.000
			...			
			Công phát sinh		21.120.320.487	21.120.320.487

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ
Thịnh An

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá
Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2021

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			...			
05/12	PC492		Thanh toán cước vận chuyên cho công ty công ty TNHH dịch vụ vận tải Tân Phát	111	2.310.000	
			...			
18/12	PC511	18/12	Thanh toán tiền cước internet	111	900.000	
			...			
25/12	PC646	25/12	Thanh toán hóa đơn điện nước T11/2021	111	4.180.000	
			...			
28/12	PC821	28/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.012.500	
			...			
31/12	PKT02 4	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911		470.953.261
			Cộng phát sinh		470.953.261	470.953.261
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

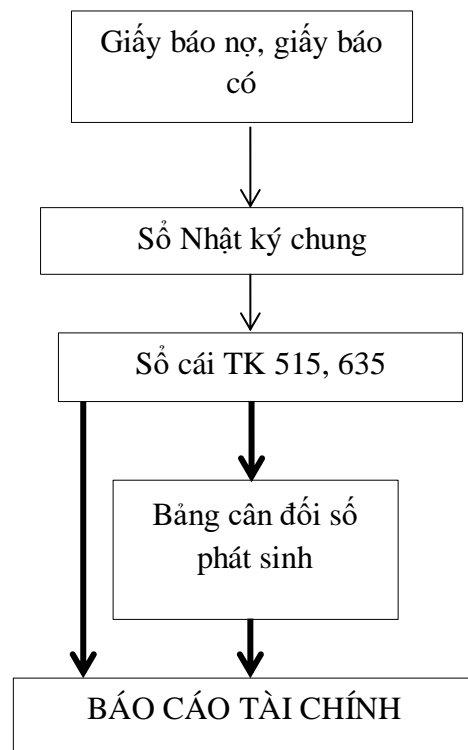
Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

2.4 Thực trạng công tác kế toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An

- **Chứng từ sử dụng**
 - Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
 - Các chứng từ khác có liên quan
- **Tài khoản sử dụng**
 - TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
 - TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
- **Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty**



Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí tài chính tại công ty Thiết bị và Dịch Thịnh An

Chú thích

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

- **Ví dụ minh họa**

Ví dụ 9: Ngày 25/12/2021, Công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng về lãi nhận được số tiền, 65.302 VNĐ.

Căn cứ vào Giấy báo có số 2369. Kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Căn cứ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 515

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 515 kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 10: Ngày 31/12/2021, Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An trả tiền lãi vay ngân hàng số tiền 8.086.658 VNĐ.

Căn cứ vào Giấy báo nợ số 2235 kế toán tiến hành ghi Sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 635, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh kế toán lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17: Giấy báo có số 2369

	Số: 2369
	Mã GDV: TRANENT
GIẤY BÁO CÓ	Mã KH: 19250
Ngày 25/12/2021	
Kính gửi: Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An	
Mã số thuế: 0201808982	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 19602009817024	
Số tiền bằng số: 65.302	
Số tiền bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu ba trăm linh hai nghìn đồng chẵn./.	
Nội dung: ##Lãi tiền gửi T12.2021 cho Thịnh An ##	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.18: Giấy báo nợ số 2235

	Số: 2235
	Mã GDV: TRAUGNT
GIẤY BÁO NỢ	Mã KH: 19250
Ngày 31/12/2021	
Kính gửi: Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An	
Mã số thuế: 0201808982	
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:	
Số tài khoản ghi CÓ: 19602009817024	
Số tiền bằng số: 8.086.658	
Số tiền bằng chữ: Tám triệu không trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tám <i>đồng</i> /.	
Nội dung: <i>##Lãi tiền vay T12.2021 cho Thịnh An ##</i>	
Giao dịch viên	Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.19: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			...			
03/12	PX721	03/12	Giá vốn hàng xuất kho cho công ty TNHH Kangsung Vina	632	5.280.000	
				156		5.280.000
			...			
18/12	PC511	18/12	Thanh toán tiền cước internet	642	900.000	
				133	90.0000	
				111		990.0000
			...			
25/12	GBC 2369	25/12	Nhận lãi tiền gửi tháng 12/2021	112	65.302	
				515		65.302
			...			
28/12	PC832	28/12	Chi tiếp khách ăn uống	642	3.100.000	
				133	310.000	
				111		3.410.000
			...			
31/12	GBN22 35	31/12	Trả lãi tiền vay tháng 12/2021	635	8.086.685	
				112		8.086.685
			...			
			Cộng phát sinh		21.120.320.487	21.120.320.487

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.20 Trích sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ
Thịnh An

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá
Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2021

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính: 515

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			...			
25/06	GBC 2011	25/06	Nhận lãi tiền gửi tháng 6 năm 2021	112		89.564
...
25/10	GBC 2115	25/10	Nhận lãi tiền gửi tháng 10 năm 2021	112		152.006
...
25/12	GBC 2369	25/12	Nhận lãi tiền gửi tháng 12 năm 2021	112		65.302
...
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	911	408.316	
			Cộng phát sinh		408.316	
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 635

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ
Thịnh An

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá
Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải
Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2021

Tên tài khoản: Chi phí tài chính tài chính: 635

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			...			
31/07	GBN 2026	31/07	Chi phí tiền vay tháng 07/2021	112	2.501.996	
...
31/12	GBN 2235	31/12	Lãi tiền vay tháng 12/ 2021	112	8.086.658	
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển Chi phí tài chính	911		129.389.484
			Cộng phát sinh		129.389.484	129.389.484
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

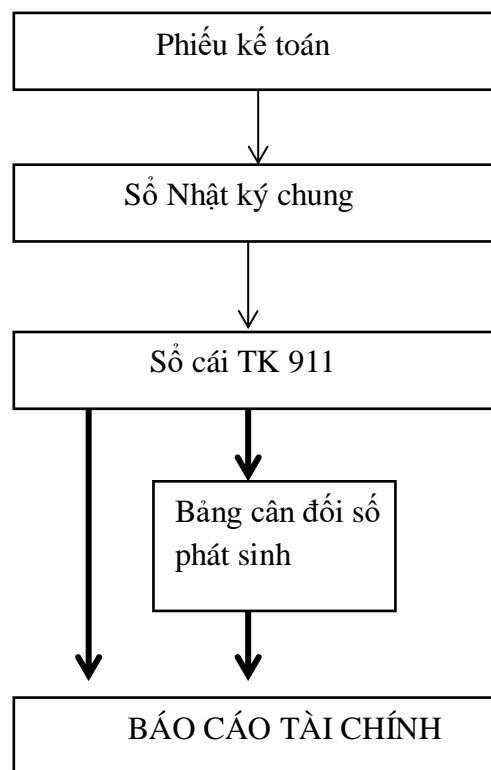
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

2.5 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

- **Chứng từ sử dụng :** Phiếu kế toán

- **Tài khoản sử dụng**
 - TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh
 - Các TK liên quan: TK 821, 421, 632, 635, 642, 511, 515
- **Sổ sách kế toán sử dụng**
 - Sổ Nhật ký chung
 - Sổ cái TK 911
- **Quy trình hạch toán tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An**



Chú thích

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối kỳ: \longrightarrow

Sơ đồ 2.8: Trình tự ghi sổ kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

- **Ví dụ minh họa**

Ngày 31/12/2021, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh năm 2021. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 1.638.654.347
- Giá vốn hàng bán: 975.095.925
- Doanh thu hoạt động tài chính: 408.316
- Chi phí tài chính: 129.389.484
- Chi phí quản lý kinh doanh: 470.953.261

Từ các số liệu trên kế toán lập các phiếu kế toán số 36, 37, 38, 39, 40 (biểu số 2.27 2.28, 2.29, 2.30, 2.31). Từ phiếu kế toán, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung). Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 911

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 911, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.22: Phiếu kê toán số 36**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KÊ TOÁN****Số: 36***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	1.638.654.347
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	408.316
	Tổng			1.639.062.663

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ sáu trăm ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng.

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021***Người lập bảng***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)*

Biểu số 2.23 Phiếu kế toán số 37**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 37***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	975.095.825
2	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	470.953.261
3	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	129.389.484
	Tổng			1.575.438.570

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi đồng.

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021***Người lập bảng***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)*

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 38**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 38***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp	821	3334	15.905.998
	Tổng			15.905.998

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu chín trăm linh năm nghìn chín trăm chín mươi tám đồng.*Ngày 31 tháng 12 năm 2021***Người lập bảng***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)*

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 39**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 39***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	15.905.998
	Tổng			15.905.998

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười lăm triệu chín trăm linh năm nghìn chín trăm chín mươi tám đồng.*Ngày 31 tháng 12 năm 2021***Người lập bảng***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)*

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán 40**Đơn vị:** Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**PHIẾU KẾ TOÁN****Số: 39***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Diễn giải	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2021	911	421	47.717.995
	Tổng			47.717.995

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười bảy nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng.*Ngày 31 tháng 12 năm 2021***Người lập bảng***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)*

Biểu số 2.27: Trích sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu	511	1.638.654.347	
				515	408.316	
				911		1.639.062.663
31/12	PKT 37	31/12	Kết chuyển chi phí	911	1.575.438.570	
				632		975.095.925
				642		470.953.261
				635		129.389.484
31/12	PKT 38	31/12	Xác định thuế TNDN	821	15.905.998	
				3334		15.905.998
31/12	PKT 39	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	15.905.998	
				821		15.905.998
31/12	PKT 40	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	47.717.995	
				421		47.717.995
			Cộng phát sinh		21.120.320.487	21.120.320.487

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

Biểu số 2.28: Trích sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Địa chỉ: Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2021

Tên tài khoản: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh: 911

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT 36	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1.638.654.347
31/12	PKT36	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		408.316
31/12	PKT37	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	975.095.925	
31/12	PKT37	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	470.953.261	
31/12	PKT37	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	129.389.484	
31/12	PKT39	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	15.905.998	
31/12	PKT40	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	47.717.995	
			Cộng phát sinh		1.639.062.663	1.639.062.663
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỊNH AN

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An Bởi vì việc hạch toán này phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phân hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin giúp cho ban lãnh đạo có những quyết định vào kinh doanh tốt nhất và có chiến lược kịp thời đúng đắn.

Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ Thịnh An là một doanh nghiệp lâu năm, trong quá trình phát triển ban lãnh đạo của công ty đã đi tìm cho mình hướng đi phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm. Để có những kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học và chặt chẽ.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em nhận thấy tổ chức kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả sau

3.1.1 Kết quả đạt được

3.1.1.1. Về bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An

- ✓ Bộ máy kế toán ít nhân viên nhưng đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- ✓ Bộ phận kế toán của công ty có 5 người bao gồm một kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp, một thủ quỹ, một kế toán thanh toán, một kế toán hàng tồn kho và một kế toán lương và TSCĐ rất phù hợp với khối lượng công việc

kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện kịp thời và chính xác.

- ✓ Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về hình thức kế toán ghi sổ

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, phù hợp với hoạt động kinh doanh tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ

3.1.1.3 Tài khoản sử dụng

Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo thông tư 133/2016/TT – BTC của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

3.1.4 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- + Các nghiệp vụ kinh tế pháp sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu
- + Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.
- + Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phân nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An còn có những mặt hạn chế sau:

Sử dụng phần mềm kế toán trong kế toán: Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty là vẫn dùng excel hỗ trợ, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty

Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thương mại. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. CKTM được xem là một đòn bẩy để khách hàng đặt sản phẩm, dịch vụ với số lượng nhiều hơn. Khi khách hàng đặt với số lượng lớn sẽ giúp doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất và đạt được nguồn doanh thu lớn.

Công ty chưa tiến hành mở sổ chi tiết theo dõi khoản doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng: vì vậy doanh nghiệp không theo dõi được lãi gộp của từng mặt hàng để xác định cơ cấu mặt hàng tối ưu.

3.2 Biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu trên và với những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ như sau:

- **Ý kiến thứ nhất:** Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi chép sổ sách kế toán.

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán như:

- Phần mềm kế toán CeAC



Phần mềm kế toán CeAC là phần mềm kế toán online của CMC Soft được triển khai trên nền điện toán đám mây, giúp doanh nghiệp tiết kiệm tới 92% chi phí đầu tư và bảo trì so với các phần mềm kế toán sản xuất thông thường

khác. Nghiệp vụ kế toán phi hạch toán thông minh của CeAC giúp đơn giản hóa công tác kế toán, tăng tính chính xác của dữ liệu. Phân hệ Sản xuất được thiết kế với những tính năng chính: Nhập mã thành phẩm từ quy trình sản xuất; Xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất; Nhập kho thành phẩm.

Giải pháp kỹ thuật mạnh mẽ của CeAC giúp các doanh nghiệp sản xuất tiết kiệm tối đa chi phí và có thể nâng cấp hệ thống theo nhu cầu mở rộng quy mô của doanh nghiệp.

- Phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2022

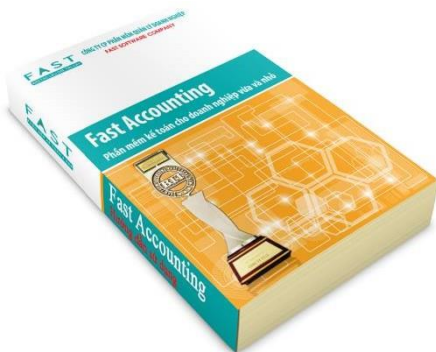


Phần mềm kế toán Misa là phần mềm kế toán sản xuất thông dụng cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần mềm được sử dụng khá phổ biến bởi nó hỗ trợ nhiều phân hệ, giao diện thân thiện dễ sử dụng và cho phép người dùng dễ dàng quản lý.

Các phân hệ của phần mềm này đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu của một phần mềm kế toán sản xuất như: Tập hợp các chi phí trực tiếp, phân bổ chi phí gián tiếp, đánh giá sản phẩm dở dang, tính giá thành sản phẩm,...

Giá: 3.950.000 – 12.950.000đ/ Gói (chưa bao gồm chi phí dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn)

- Phần mềm kế toán Fast Accounting:



Phần mềm kế toán Fast Accounting là phần mềm kế toán sản xuất nổi bật với chi phí thấp và khả năng quản trị tốt. Fast Accounting cho phép khai báo đối tượng tính giá thành một cách mềm dẻo, chi phí phát sinh được cập nhật và tập hợp theo các cách khác nhau, có tính năng giúp kiểm tra những sai sót có

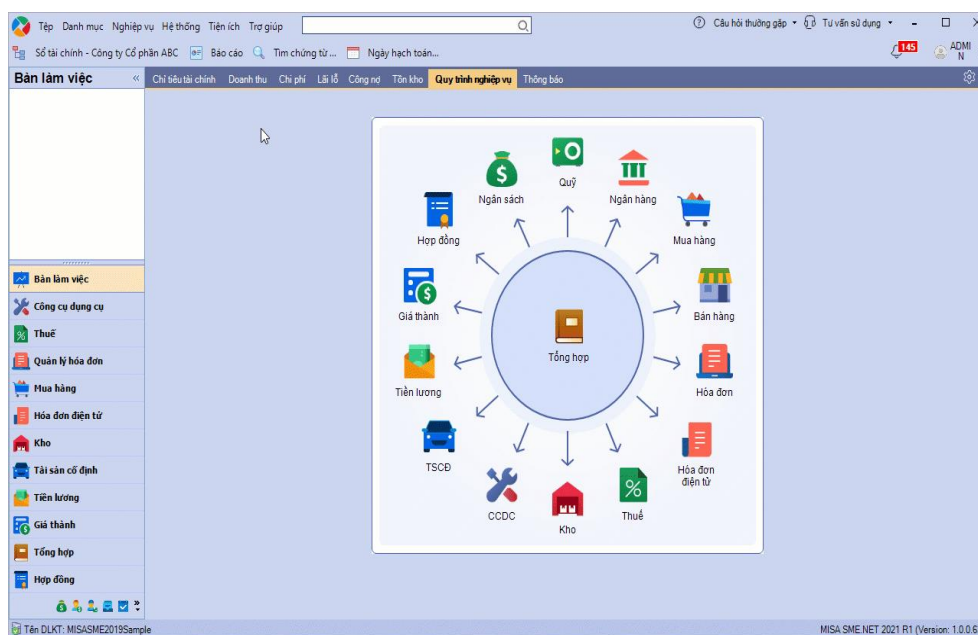
thể xảy ra trong quá trình nhập liệu. Bên cạnh đó phần mềm còn có các nhóm báo cáo giá thành sản phẩm rất phong phú, phục vụ đặc lực cho công tác phân tích và quản trị.

Giá: 5.900.000đ – 11.900.000đ (chưa bao gồm chi phí dịch vụ cài đặt, đào tạo, tư vấn).

Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban Giám đốc. Giúp ban Giám đốc có thể đưa ra quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Các phần mềm kế toán đều có chức năng lưu trữ các báo cáo với các mục đích khác nhau, theo dõi công nợ, thanh toán cho nhà cung cấp và quản lý bảng lương nhân viên,...giúp cho việc theo dõi, kiểm tra của nhà quản lý được thuận

lợi và dễ dàng hơn. Để phù hợp với quy mô của Công ty thì kế toán trưởng nên lựa chọn phần mềm kế toán MISA. Một số giao diện về phần mềm:



Hình 1: Giao diện phần mềm kế toán MISA

Qua quá trình tìm hiểu đặc điểm, cơ cấu, loại hình kinh doanh hiện tại của Công Ty TNHH Thiết bị và dịch vụ Thịnh An, em xin tư vấn công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2022 vì phần mềm này phù hợp với doanh nghiệp nhất cả về giá cả lẫn tính năng, mang lại hiệu quả quản lý công ty một cách dễ dàng hơn.

❖ Ý kiến thứ hai: Về việc vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

➤ Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

- Nếu trên hóa đơn GTGT ghi giá bán đã CKTM dành cho khách hàng, thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT (tức là: Chiết khấu – giảm giá ngay khi mua hàng)

- Nếu mua hàng hàng nhiều lần được hưởng CKTM căn cứ và số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ kế tiếp

Trường hợp này có 2 tình huống xảy ra:

- Nếu số tiền chiết khấu – giảm giá mà nhỏ hơn giá trị hóa đơn cuối cùng → Thì có thể sẽ trừ trực tiếp trên hóa đơn cuối cùng đó
- Nếu số tiền chiết khấu – giảm giá mà lớn hơn giá trị hóa đơn cuối cùng → Thì sẽ phải lập 1 hóa đơn điều chỉnh giảm (Vì không thể trừ trên hóa đơn được)

Ví dụ Chính sách chiết khấu: Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An có chương trình chiết khấu thương mại như sau: Nếu ai mua hàng đạt doanh số 100.000.000đ sẽ được chiết khấu 10%

Trong tháng 12/2021, công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Khai Phong có phát sinh mua hàng các lần như sau:

- Ngày 10/12: Mua hàng trị giá 10.000.000 → Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An xuất hóa đơn 10.000.000
- Ngày 12/12: Mua hàng trị giá 50.000.000 → Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An xuất hóa đơn 50.000.000
- Ngày 27/12: Mua hàng trị giá 40.000.000 → Như vậy đã đạt doanh số quy định sẽ được chiết khấu 10% → số tiền chiết khấu 10% = 10.000.000 *nhỏ hơn* số tiền trên hóa đơn cuối cùng (lần 3) → Nên có thể trừ trực tiếp trên hóa đơn lần 3 như sau

Định khoản:

Nợ 131: 33.000.000

Có 511: 30.000.000

Có 3331: 3.000.000

❖ Ý kiến thứ ba: Tiến hành mở sổ chi tiết

Công ty hiện tại đang hoạt động trong lĩnh vực thương mại vì vậy công ty nên mở các sổ chi tiết theo từng sản phẩm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết cho từng mặt hàng tiêu thụ và theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp chi tiết theo từng mặt hàng.

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết bán hàng dùng cho hoạt động kinh doanh của công ty:

- ✓ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết bán hàng Máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An (Biểu số 3.2)
- ✓ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết giá vốn hàng bán Máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An (Biểu số 3.3)
- ✓ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An (Biểu số 3.4)

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi tiết bán hàng**Đơn vị:** Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S16 - DNN***(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tài khoản: 5111

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B

Tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
			...						
03/12	HĐ0000526	03/12	Bán cho công ty TNHH Kangsung Vina	111	3	1.800.000	5.400.000		
			...						
16/12	HĐ0000622	16/12	Bán cho công ty TNHH OurhomeViệtNam	112	2	1.800.000	3.600.000		
			...						
			Cộng số phát sinh		8	1.800.000	14.400.000		
			- Doanh thu thuần		46	74.140.000			
			- Giá vốn hàng bán			62.158.000			
			- Lãi gộp			11.982.000			

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)***Biểu số 3.3: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán**

Đơn vị: Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái, Huyện An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S17 - DNN***(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ): Máy in mã vạch hiệu Xprinter KH: XP-350B

Tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số dư đầu kỳ				
....
03/12	PX721		Bán cho công ty TNHH Kangsung Vina	156	4.860.000	3	1.620.000
			...				
16/12	PX747		Bán cho công ty TNHH Ourhome Việt Nam	156	3.240.000	2	1.620.000
....
			Cộng phát sinh trong kỳ		12.960.000	8	1.620.000
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

*Ngày 31 tháng 12 năm 2021***Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4: Sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh**Đơn vị:** Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An**Địa chỉ:** Thôn Hoàng Mai (tại nhà ông Vũ Bá Nha), Xã Đồng Thái,
Huyện An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S17 - DNN***(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tháng 12 năm 2021

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						TK 6421	TK 6422
			Số dư đầu kỳ				
...
18/12	PC511	18/12	Thanh toán tiền cước internet	111			900.000
...
27/12	PC821	27/12	Mua văn phòng phẩm của Công ty TNHH Thương mại & Nội thất Minh Phát	111			1.012.500
28/12	PC832	28/12	Chi tiếp khách ăn uống	111			3.100.000
...
31/12	BCL12	31/12	Phải trả lương NVBH tháng 12	334		15.500.000	
			Cộng phát sinh trong kỳ			22.105.000	12.020.000
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:...

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An, em nhận thấy rằng công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã được quan tâm thích đáng. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn công tác doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần tiếp tục phát huy những mặt tích cực đã đạt được và cố gắng khắc phục những mặt hạn chế còn tồn tại.

Như vậy, đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán hàng hóa tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về lý luận, bài viết đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ theo TT số 133/2016/TT-BTC

- Về thực tiễn: Đã phản ánh được thực trạng công tác tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An và đã chứng minh bằng số liệu tháng 12 năm 2021 cho các lập luận đã nêu ra.

- Đối chiếu giữa lý luận và thực tế tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An, đề tài đưa ra những nhược điểm và đề xuất ý kiến nhằm tăng cường công tác quản lý hàng hóa tại Công ty như:

- Ý kiến thứ nhất: Áp dụng phần mềm kế toán vào công tác ghi chép sổ sách kế toán.
- Ý kiến thứ hai: Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại

- Ý kiến thứ ba: Tiến hành mở sổ chi tiết

Do nội dung của đề tài rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn, với trình độ còn có hạn, thời gian thực tập tại công ty không dài, đề tài của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để đề tài của em đầy đủ và hoàn thiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2021), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2021), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Thịnh An (2021), Tài liệu, sổ sách kế toán
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.